

Số: 100a /KH-MNSM

Hiệp Thành, ngày 17 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
Năm học 2024-2025

Căn cứ vào kế hoạch số 246/KH-UBND -TPTDM ngày 16/8/2024 của ủy ban nhân dân TP TDM Về việc hướng dẫn thực hiện khung thời gian năm học 2024–2025 đối với giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một;

Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024, căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị, bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:

A/ THÔNG TIN CHUNG:

- Trình độ GV:

Chức danh	Số lượng	Trình độ chuyên môn			Tin học		Ngoại ngữ				Ghi chú
		TC	CD	ĐH	A	B	A	B	EPT bậc 2	Tiếng Trung HSKII	
<i>GV dạy lớp</i>	16	1	4	11	8	8	6	8	2		

- Quy mô nhóm lớp, trẻ:

NHÓM LỚP	HỌC SINH	NỮ
Nhà trẻ	17	8
Mầm	44	28
Chồi	70	35
Lá	52	26
TỔNG CỘNG	177	97

*** Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm hỗ trợ của các cấp lãnh đạo.
- Cơ sở vật chất khang trang, sân chơi rộng, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi phục vụ công tác chăm sóc - nuôi dưỡng – giáo dục.

- Đội ngũ Ban giám hiệu, giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên.
- Được phụ huynh quan tâm, hỗ trợ trong công tác chăm sóc - nuôi dưỡng - giáo dục.

*** Khó khăn:**

- Một vài giáo viên còn hạn chế chưa nhạy bén và linh hoạt trong việc ứng dụng CNTT.

B/ MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GD

I. MỤC TIÊU CHUNG:

1/ Mục tiêu chương trình giáo dục trẻ Nhóm 25-36 tháng: có 4 lĩnh vực.

1.1 Phát triển thể chất:

- Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

Cân nặng theo tuổi: Trẻ trai: CN từ 11,3 – 18,3 kg;

Trẻ gái: cân nặng từ 10,8 – 18,1 kg

Chiều cao theo tuổi: Trẻ trai: từ 88,7 – 103,5cm.

Trẻ gái từ 87,4 – 102,7 cm

a. Phát triển vận động:

- Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.

- Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu:

+ Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay

+ Thực hiện tung- bắt được bóng với người khác ở khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1-1,2m

+ Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật trên lưng.

+ Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng, ném xa lên phí trước bằng một tay tối thiểu 1,5m

- Thực hiện vận động của bàn tay, ngón tay.

+ Vận động của bàn tay, cổ tay, ngón tay – thực hiện “múa dẻo”

+ Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.

b. Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe:

- Có nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt: Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau, ngủ 1 giấc buổi trưa, đi vệ sinh đúng nơi qui định.

- Thực hiện một số việc tự phục vụ đơn giản: tự xúc ăn, uống nước, cài cúc áo

- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn: biết tránh bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giềng khi được nhắc nhở. Biết tránh một số hành động nguy hiểm: Leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn khi được nhắc nhở.

1.2 Giáo dục phát triển nhận thức

- Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan: sờ nắn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.

- Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ, lời nói

+ Nói được tên một số bộ phận cơ thể, đồ vật, hoa, quả, con vật quen thuộc

+ Chỉ/ lấy/ gọi tên đồ vật có màu đỏ, vàng, xanh khi yêu cầu

+ Chỉ/ lấy/ cất/ đồ vật có kích thước to, nhỏ theo yêu cầu.

1.3 Giáo dục phát triển ngôn ngữ

- Nghe hiểu lời nói.
 - + Thực hiện được nhiệm vụ.
 - + Trả lời được câu hỏi: “Ai đây”, “Cái gì đây”, “Làm gì?”
 - + Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật
 - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản.
 - Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu
 - + Phát âm rõ tiếng
 - + Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao ngắn. hát được bài hát ngắn đơn giản.
 - Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp
 - + Nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng
 - + Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: chào hỏi, trò chuyện, bày tỏ nhu cầu của bản thân, hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây; “ Cái gì đây”.
 - + Nói to, đủ nghe, lễ phép.
- 1.4 Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.
- Biểu lộ sự nhận thức về bản thân
 - + Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)
 - + Thể hiện điều mình thích, và không thích.
 - Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi
 - + Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói
 - + Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.
 - + Biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
 - + Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi; bắt chước tiếng kêu, gọi.
 - Thực hiện hành vi xã hội đơn giản
 - + Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă khi được nhắc nhở
 - + Bắt chước một số hành vi xã hội đơn giản (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại)
 - + Chơi thân thiện cạnh trẻ khác
 - + Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.

2/ Mục tiêu và nội dung giáo dục cụ thể: có 4 lĩnh vực

* Nhóm: 25-36 tháng.

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN	SỐ TT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	- Trẻ biết tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp theo nhịp.	Thực hiện các động tác thể dục sáng: - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vịn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
	2	-Bật xa tối thiểu 20cm	- Bật qua vạch kẻ, vật cản 10 – 15cm - Bật xa 20 cm, xa bằng 2 chân

			<ul style="list-style-type: none"> - Bật tách, khếp chân tại chỗ. - Bật tại chỗ
	3	- Nhảy qua nhảy lại	<ul style="list-style-type: none"> - Nhảy bật tại chỗ - Nhảy qua vật cản, con suối
	4	- Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 20 – 30cm	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Ném bóng vào xô - Bắt và Ném bóng với người đối diện bằng 2 tay (khoảng cách xa 20cm)
	5	- Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 80cm)	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném vào đích đứng 1 tay, 2 tay.
	6	- Trườn bụng sát với mặt đất.	<ul style="list-style-type: none"> - Trườn dưới gậy - Trườn chui qua cổng
	7	- Trẻ biết chạy theo hướng thẳng và đổi hướng	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy theo tốc độ chậm, nhanh, chậm dần theo hiệu lệnh. - Chạy đổi hướng theo cô (2-3 hướng). - Chạy tự do, Chạy thay đổi tốc độ. - Chạy tốc độ vừa sức.
	8	Bò chui qua vòng, qua vật cản đúng yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Bò trong đường hẹp - Bò trong đường ngoằn ngoèo - Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng. - Bò, trườn chui qua cổng - Bò trườn qua vật cản - Bò bằng 2 bàn tay và 2 bàn chân
	9	- Phát triển các cơ nhỏ của đôi bàn tay thông qua các hoạt động làm quen với đất nặn, xếp hình, tô màu, xâu hạt	<ul style="list-style-type: none"> - Xâu được các đồ vật, đồ chơi, con vật, các loại hoa, quả, rau và phương tiện giao thông vào dây thành vòng. - Dùng bàn tay và các ngón tay để làm quen với đất, nhào, ngắt, gộp, lăn dài, vo tròn, ấn dẹp. - Xếp được các hình cơ bản: xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách hàng rào, cái nhà, cái cổng, đường đi, bộ bàn ghế, cái giường. - Cách cầm viết vẽ lên giấy, trên sàn, ngoài sân, sử dụng các ngón tay để in màu, di màu, vẽ.
	10	- Đi và cầm đồ vật bằng 2 tay Đi thẳng bằng được trong đường hẹp	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trong đường hẹp – đường ngoằn ngoèo và cầm bóng trên tay - Đi thẳng bằng trong đường hẹp, đường ngoằn ngoèo - Đi trên cầu - Đi bước trên gạch kê cao - Đi bước đều - Đi có vật trên tay, tung bóng vào đích
	11	- Bước lên xuống bật cao	<ul style="list-style-type: none"> - Bước lên xuống bật cao 15cm

			- Bước lên xuống bậc cao có vịn
	12	- Nhảy lò cò được theo yêu cầu.	- Đứng co 1 chân, Nhảy lò cò tự do. - Nhảy lò cò, đổi chân.
	13	- Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 15 - 25 phút.	- Rèn luyện thói quen làm việc đến nơi đến chốn. - Rèn luyện nề nếp học tập - Rèn tính tập trung chú ý. - Tổ chức các hoạt động có chủ đích - Nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, trò chơi dân gian.
	14	- Biết sử dụng đồ dùng cá nhân của mình.	- Lấy và sử dụng đúng đồ dùng cá nhân theo ký hiệu: ca uống nước, khăn lau mặt.
	15	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, có một số thói quen tốt giữ cơ thể sạch sẽ.	- Có nề nếp khi lau mặt, rửa tay - Đi vệ sinh đúng nơi qui định - Thói quen lau mặt, rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, khi bị bẩn - Biết gọi cô khi có mũi, khi bị ướt, bẩn - Không ngậm tay vào miệng. - Thói quen tắm rửa hàng ngày. - Khi ho, ngáp biết lấy tay che miệng. - Giữ đúng tư thế khi ngồi đi, đứng, chạy
	16	- Thực hiện được một số việc tự phục vụ đơn giản.	- Dọn chén, muỗng, ly sau khi ăn, uống - Tự xúc ăn - Lấy cất đồ chơi, đồ dùng đúng qui định trước và sau khi chơi. - Bỏ rác đúng nơi qui định - Tự mặc quần, cởi quần
	17	- Trẻ ăn hết suất và biết cách ăn một số thức ăn mới.	- Nhận biết được các món ăn hàng ngày, biết cách ăn bánh mì, các loại rau, thịt, các thực phẩm được chế biến từ các nguồn thực phẩm gần gũi.
	18	- Biết kể được tên một số thức ăn có trong bữa ăn hàng ngày.	- Nói được các bữa ăn trong ngày và một số thức ăn hàng ngày ở trường, ở nhà - Kể tên những món ăn mà trẻ biết.
	19	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, ...) - Biết và không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ bị béo phì. - Biết và không ăn những món ăn nguội lạnh, ôi thiu, những thức ăn không hợp vệ sinh.
	20	- Biết giữ gìn sức khỏe, không nghịch phá và không chơi những nơi nguy hiểm,	- Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm như: Cây nhọn, que, đinh, kim, dao., kéo.. - Nhận biết những hành động nguy hiểm như:

		mất vệ sinh, ô nhiễm	<p>Chơi cây nhón, lấy cây que đâm vào mắt mũi của mình và bạn, nhét hạt vào mũi...</p> <p>- Nhận biết và không chơi ở những nơi nguy hiểm như: Ổ cắm điện, bếp lò, bình nước đun sôi, giếng nước, ao hồ, lan can, cầu thang. chơi ngoài lòng đường, chuồng trại nuôi thú dữ....</p> <p>- Khi tham gia trên các phương tiện giao thông phải ngồi ngay ngắn.</p> <p>- Nhận biết và không chơi những nơi mất vệ sinh như: Khu chăn nuôi, bãi rác, ...</p> <p>- Khi ra đường biết mang dép, đội nón, không nghịch bẩn và không uống nước lạnh.</p> <p>- Không đùa nghịch ngoài trời nắng, mưa</p>
	21	- Biết tác hại của thuốc lá - Không đến gần người đang hút thuốc lá.	- Nhận biết một số tác hại thông thường của thuốc lá khi hút hoặc ngửi khói thuốc lá như: Ho, khó chịu, khó thở, viêm phổi...
	22	- Biết không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép	- Giáo dục trẻ có thói quen xin phép cô, ba -mẹ, người lớn, người thân khi nhận quà. Không theo người lạ mặt ra khỏi trường. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Có người lạ bế ẵm, cho kẹo, rủ đi chơi...
	23	- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: Kẹt tay, chân vào đồ vật nào đó, ngã, đuối nước, động vật cắn, ong đốt, vật sắc nhọn, các hạt hạt làm ngạt thở, điện giật, ... - Biết kêu cứu ngay khi gặp trường hợp khẩn cấp hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	24	.- Biết phối hợp các giác quan để khám phá thế giới xung quanh	- Sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng
	25	- Trẻ biết về bản thân, những người thân yêu trong gia đình,	- Tên gọi của mình, biết các giác quan trên cơ thể, những sở thích gì? Giới tính của trẻ - Các thông tin về gia đình: họ tên bố, mẹ, anh, chị ... của gia đình - Biết về các thành viên trong gia đình. Tên gọi, nghề nghiệp của ba mẹ và những người thân trong gia đình bé
	26	- Trẻ biết về tên trường, tên lớp. về cô, các bạn trong lớp, các cô các bác trong trường Các hoạt động trong ngày ở lớp.	- Tên trường, tên lớp, những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non. Công việc của các cô, các bác trong trường. một số hoạt động trong trường mầm non.
	27	- Trẻ biết tên gọi, cách sử dụng một số đồ dùng, đồ	- Tên gọi, cách sử dụng từng loại đồ dùng, đồ chơi của bé, đồ dùng trong gia đình

		chơi	
28	- Trẻ nhận biết, gọi đúng tên, màu sắc xanh , đỏ, vàng, kích thước to nhỏ của đồ dùng, đồ chơi.	-Tên gọi, đặc điểm, màu sắc, kích thước của đồ dùng của trẻ, đồ dùng sinh hoạt, đồ chơi của trẻ.	
29	- Diễn đạt được hiểu biết bằng những câu nói đơn giản	- Biết diễn đạt sự hiểu biết của mình về sự vật, hiện tượng xung quanh.	
30	- Trẻ nhận biết, chỉ và nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật nuôi trong gia đình, các con thú sống trong rừng, các con vật sống dưới nước và các con vật có cánh biết bay.	<ul style="list-style-type: none">- Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật nuôi trong gia đình: gà, vịt, chó, mèo, bò, thỏ, lợn- Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật sống trong rừng: gấu, voi, khỉ, hổ- Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật sống dưới nước: cá, tôm, cua, ốc- Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật có cánh biết bay: chim, ong, bướm ...	
31	- Trẻ nhận biết và phân biệt được kích thước và màu sắc của các con vật	- Chọn đúng kích thước to – nhỏ, màu sắc xanh, đỏ, vàng của các con vật	
32	- Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, các bộ phận của một số loại hoa, quả, rau củ gần gũi với trẻ	<ul style="list-style-type: none">- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa ngày tết: hoa hồng, hoa mai, hoa đào, hoa đào, hoa sen, lay ơn, đồng tiền...- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi vị, môi trường sống của các loại quả: bưởi, hồng, nho, cam, dưa hấu, mận, đu đủ...- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, hình dạng, kích thước, dinh dưỡng của một số loại rau, củ: rau cải, rau muống, cà chua, cà rốt, củ cải, quả đậu, rau dền, rau ngót...- Nhận biết được các loại rau, quả không ăn được a/Cây cối, con vật <ul style="list-style-type: none">- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.- So sánh sự giống và khác nhau của một số	

		<p>con vật, cây, hoa, quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại cây hoa quả, con vật theo 2 – 3 dấu hiệu. <p>b/ Đồ dùng đồ chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, đặc điểm và công dụng của đồ dùng đồ chơi. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu.
33	- Trẻ nhận biết được các con thú dữ, không lại gần và không chọc phá chúng	- Nhận biết các con vật nguy hiểm để tránh xa, những con vật có ích, con vật có hại.
34	- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên	<p>a/ Con vật, cây.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Quan sát môi trường sống của cây cối, con vật. - Cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây cối. <p>b/ Hiện tượng tự nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Ích lợi của nước với đời sống con người, các con vật, cây cối. - Không khí, các nguồn ánh sáng với cuộc sống con người, các con vật và cây cối.
35	- Trẻ biết tên gọi của một số phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy, đường không và một số luật lệ giao thông đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại xe: xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con... - Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện: thuyền, tàu thủy, ghe... - Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện: máy bay, tàu hoả...
36	- Trẻ nhận biết, gọi đúng tên, màu sắc xanh, đỏ, vàng; kích thước của một số phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy, đường không.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phân biệt được kích thước, hình dạng, cấu tạo và màu sắc của 1 số loại xe - Nhận biết và phân biệt được kích thước, hình dạng, cấu tạo và màu sắc của 1 số phương tiện giao thông chạy ở dưới nước - Trẻ biết thực hiện 1 số luật giao thông đơn giản - Trẻ nhận biết và phân biệt được kích thước, hình dạng, cấu tạo và màu sắc của 1 số phương tiện giao thông đường không, đường sắt

	37	- Nhận biết được khối vuông, khối chữ nhật và khối tam giác theo yêu cầu.	Nhận biết, gọi tên khối vuông, khối chữ nhật, khối tam giác. - Chắp ghép các khối hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
	38	- Trẻ biết đặc điểm đặc trưng của mùa hè và một số hoạt động của lớp mẫu giáo	- Nhận biết và phân biệt tên gọi, đặc điểm đặc trưng của mùa hè và biết một số hoạt động ở lớp mẫu giáo - Đặc điểm đặc trưng của mùa hè và một số hoạt động của lớp mẫu giáo - Biết mùa hè nóng nực ra đường bé biết đội nón, khi mưa biết mặc áo mưa. Biết thực hiện một số luật giao thông đơn giản
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	39	- Trẻ nói đúng tên mình, tên cô, tên các bạn trong lớp, nói đúng tên những người thân trong gia đình, tên các cô, các bác trong trường. Tên trường, lớp, đặc điểm công dụng của đồ dùng, đồ chơi.	- Biết tên mình, một số ký hiệu riêng của mình. Biết tên cô, tên các bạn trong lớp, tên các cô, các bác trong trường. - Tên trường, lớp, đặc điểm công dụng của đồ dùng, đồ chơi. - Tên những người thân trong gia đình, nghề nghiệp của ba mẹ.
	40	- Biết diễn đạt câu đơn 3 -4 từ.	- Nói trọn câu 3 -4 từ. - Phát âm rõ lời. - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản.
	41	- Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	- Hiểu và làm theo được 2 – 3 yêu cầu liên tiếp.
	42	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.	- Nghe hiểu nội dung của lời nói trong giao tiếp. Nghe hiểu nội dung các câu đơn. Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
	43	- Sử dụng các loại câu, lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng lời nói. - Biết đặt các câu hỏi để làm rõ thông tin cần tìm hiểu.
	44	- Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. Không nói leo, ngắt lời người khác khi trò chuyện	- Chú ý lắng nghe và hiểu nội dung trong câu nói của người khác. - Biết đáp lại bằng thái độ đã hiểu lời nói của người khác bằng cử chỉ, nét mặt và ánh mắt. - Thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt. - Giao du lịch phép lịch sự, biết tôn trọng người

			khác trong giao tiếp, không nói leo, ngắt lời khi người khác đang nói.
	45	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật.	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, lợi ích của các con vật nuôi trong gia đình, các con thú sống trong rừng, các con vật sống dưới nước và các con vật có cánh biết bay
	46	- Trẻ biết diễn đạt câu ngắn 4 -5 từ	- Trả lời các câu hỏi của cô, nói trọn câu. - Phát âm đúng, rõ lời - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản, kết hợp với cử chỉ.
	47	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, lợi ích của một số hoa, quả, rau mà trẻ biết	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa đặc trưng ngày tết. - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi vị, môi trường sống của các loại quả: bưởi, hồng, nho, cam, dưa hấu, mận, đu đủ... - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, hình dạng, kích thước, dinh dưỡng của một số loại rau, củ: rau cải, rau muống, cà chua, cà rốt, củ cải, quả đậu, rau dền, rau ngót...
	48	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, cấu tạo của các phương tiện giao thông.	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện tàu hỏa, máy bay... - Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện thuyền, tàu thủy, ghe... - Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại xe: xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con...
	49	- Trẻ đọc thuộc thơ, bài ca dao, thuộc các bài hát ngắn, nắm được nội dung chuyện và biết kể lại.	- Đọc được các bài thơ, hát được bài hát và kể được chuyện theo tranh, biết minh họa động tác theo nội dung chuyện - Trẻ đọc thuộc cả bài thơ, hát thuộc bài hát, biết kể chuyện theo cô, biết trả lời các câu hỏi của cô. Nói trọn câu 5 - 6 từ, đủ nghĩa.
	50	- Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;	- Biết sử dụng một số từ biểu thị sự lễ phép, các từ biểu cảm, hình tượng. - Biết chào hỏi, tạm biệt, các câu chúc sức khỏe ông bà... biết nói cảm ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh, tình huống trong giao tiếp.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, XÃ HỘI,	51	- Thể hiện sự thích thú với sách. Có một số hành vi như người đọc sách. Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Thích chơi với sách, xem và đọc sách ở mọi lúc mọi nơi một mình. - Chú ý nghe đọc sách, tìm hiểu nội dung tranh vẽ trong sách (Nhờ người lớn giải thích nội

THẨM MỸ			dung tranh, những chữ chưa biết...) - Có một sổ hành vi giữ gìn, bảo vệ sách (giở sách từng trang, không quăng quật, vẽ bậy, xé, làm nhàu sách, xem sách xong biết cất sách vào nơi qui định.
	52	- Cháu biết yêu thương kính trọng, vâng lời ba mẹ, người thân, các cô ,các bác trong trường	- Cháu thể hiện lễ giáo qua các hoạt động hàng ngày. - Yêu thương, kính trọng, lễ phép với mọi người.
	53	- Thích đi học, thích chơi với bạn, chơi biết nhường nhịn bạn	- Không nghịch của bạn, đi học không khóc nhè, không đánh cắn bạn.
	54	- Biết giữ gìn đồ dùng, đồ chơi, biết cất dọn đồ chơi sau khi chơi xong	- Chơi xong cất đúng nơi qui định. Không đập phá đồ dùng đồ chơi.
	55	- Biết chào hỏi người lớn khi đến lớp, ra về, biết thực hiện một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện tốt các mặt lễ giáo: chào hỏi khi đến lớp và ra về.
	56	- Biết tự tin trong giao tiếp.	- Chủ động chào khách khi có khách đến lớp, mạnh dạn trả lời các câu hỏi
	57	- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;	- Rèn luyện thói quen, hành vi, cử chỉ lễ phép, lịch sự. - Thói quen xưng hô thân mật với bạn, lễ phép với người lớn.
	58	- Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường;	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”. - Nhận ra 3 – 5 hành vi đúng sai của con người đối với môi trường như: Vứt rác bừa bãi, bẻ cây...
	59	- Cháu biết bảo vệ, chăm sóc hoa và cây, con vật, không ngắt hái hoa bẻ cành, không hái quả non, không chọc phá con vật.	- Biết thể hiện tình cảm của mình với môi trường xung quanh: không ngắt hái hoa bẻ cành, không hái quả non, không chọc phá con vật.
	60	- Cháu biết thực hiện một số luật giao thông đơn giản, không chơi ở lòng đường, khi được ngồi trên các phương tiện giao thông, không đùa nghịch.	- Không chơi ở lòng đường xe chạy, không đùa nghịch trên xe. Khi đi xe máy phải đội nón bảo hiểm. Trẻ biết thực hiện 1 số luật giao thông đơn giản
	61	- Cháu vẽ, tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ. Biết tạo ra các sản phẩm từ đất nặn. Không	- Cách cầm bút, tư thế ngồi. - Thực hiện được các yêu cầu của cô khéo léo : Tô màu trên hình rồng đã vẽ sẵn. Vẽ và tô màu theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích xâu vòng,

		nghịch của bạn, chơi xong cất đúng qui định.	xếp hình, nặn.... - Giữ gìn sản phẩm, không tranh giành đồ chơi với bạn
	62	- Xé, dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.	- Dán hình theo ý thích, -Dán hình vào vị trí qui định. Không bị nhăn - Dán hình trang trí bức tranh
	63	- Cháu hát, vận động nhịp nhàng theo nhạc, biết vỗ tay và làm đúng các động tác minh họa cho bài thơ và hát	- Hát và múa, làm động tác minh họa nhịp nhàng - Cháu vận động nhịp nhàng theo nhạc, biết vỗ tay và làm đúng các động tác minh họa cho bài thơ và hát
	64	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp trong cuộc sống hàng ngày của trẻ, đồ dùng, đồ chơi. - Nhận ra cái đẹp trong nghệ thuật như: Tạo hình, âm nhạc.
	65	- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc;	- Khoe với người khác về công việc mình đã hoàn thành. - Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc và mong muốn người khác khen ngợi.
	66	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Biết trấn tĩnh, hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi ... khi được người khác an ủi, chia sẻ và giải thích.

3/ MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CỦA LỚP MẦM: CÓ 5 LĨNH VỰC

3.1. Phát triển thể chất:

- Cân nặng và chiều cao của trẻ:
Cân nặng theo tuổi: Trẻ trai: CN từ 12,7 – 21,2kg;
Trẻ gái: cân nặng từ 12,3 – 21,5 kg
Chiều cao theo tuổi: Trẻ trai: từ 94,9 – 111,7 cm.
Trẻ gái từ 94,1– 111,3 cm
- Trẻ khỏe mạnh, chiều cao và cân nặng phát triển bình thường.
- Đi, chạy phối hợp chân, tay nhịp nhàng.
- Giữ được thăng bằng trên một chân.
- Ném xa 2 m bằng 2 tay.
- Cầm kéo cắt
- Rửa tay, lau mặt, đánh răng, cởi quần áo có sự giúp đỡ.
- Nhận biết 1 số vật dụng và nơi nguy hiểm.

3.2. Phát triển nhân thức:

- Thích tìm hiểu, khám phá đồ vật và hay đặt các câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây?...
- Nói được một vài đặc điểm nổi bật của sự vật, hiện tượng quen thuộc.

- Nhận biết được sự thay đổi rõ nét của sự vật, hiện tượng.
- Nhận biết được tay phải, tay trái của bản thân.
- Đếm được trong phạm vi 5
- Nhận biết được sự khác nhau về kích thước của 2 đối tượng.
- Gọi đúng tên hình tròn, hình vuông, hình tam giác.
- Nhận biết một số nghề phổ biến, gần gũi.
- Biết họ và tên của bản thân, tên của người thân trong gia đình, tên trường, lớp mầm non.

3.3. Phát triển ngôn ngữ:

- Nghe , hiểu được lời nói trong giao tiếp đơn giản.
- Diễn đạt nhu cầu, mong muốn để người khác hiểu.
- Trả lời được 1 số câu hỏi của người khác.
- Kể lại chuyện dựa theo câu hỏi.

3.4. Phát triển tình cảm xã hội:

- Thích chơi cùng bạn, không tranh dành đồ chơi.
- Có biểu hiện quan tâm đến người thân.
- Cảm nhận được 1 số cảm xúc của người khác và có biểu lộ phù hợp.
- Chấp nhận yêu cầu và làm theo chỉ dẫn đơn giản của người khác.
- Biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, xin phép.
- Biết bỏ rác đúng nơi quy định, cất dọn đồ dùng đồ chơi.
- Cố gắng tự thực hiện các công việc được giao.

3.5. Phát triển thẩm mỹ:

- Trẻ bộc lộ cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh và các tác phẩm gần gũi.
- Trẻ thích hát, nghe hát, nghe nhạc.
- Biết hát kết hợp với vận động đơn giản: nhún nhảy, dậm chân, vỗ tay....
- Biết sử dụng màu sắc, đường nét, hình dạng tạo ra các hình dạng đơn giản.
- Biết giữ gìn sản phẩm.

4/ Mục tiêu và nội dung giáo dục cụ thể :

*Khởi mào:

LĨNH VỰC	SỐ THỨ TỰ	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	- Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục sáng đúng nhịp.	- Thực hiện các động tác thể dục sáng ngoài trời.
	2	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể, vận động nhịp nhàng với bạn, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	- Đi chạy làm theo người dẫn đầu - Chạy theo đường thẳng
	3	- Phát triển sự linh hoạt giữa đôi bàn tay, bàn chân và sự nhanh nhạy của đôi mắt.	- Lăn bóng theo trò chơi “ cho bạn cho tôi”. - Lăn bóng = 2 tay, đi, chạy theo lấy bóng - Lăn, đập bắt bóng với cô.

	4	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể, vận động nhịp nhàng với bạn, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	- Đi theo đường hẹp, nhảy qua mương.
	5	- Biết phối trong việc thực hiện bài tập ném đúng và chính xác:	- Ném xa bằng một tay (thi xem ai ném xa nhất). - Ném trúng đích ngang (xa 1,5m)
	6	- Biết phối hợp tay, chân để bật tiến về phía trước	- Bật tiến về phía trước. - Bò chui qua cổng, đi kiềng gót.
	7	- Biết cách phối hợp tay, chân, mắt để thực hiện bài tập bò khéo léo.	Đi, bò chui qua cổng Bò, chạy theo trò chơi : Gấu và đàn ong. Bò trong đường hẹp (3 x 0,4m) Bò thấp, chui, bật vào 3 ô. Bò cao, chui, bật vào 3 ô, ném đích ngang.
	8	- Phối hợp tay - mắt trong vận động	- Tung và đập bóng. +Tung bắt bóng với cô; bắt được ba lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m) +Tự đập bắt bóng được 3 lần liên tiếp (bóng 18cm)
	9	-Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập chạy	- Chạy ném trúng đích, đích nằm ngang. - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m.
	10	- Giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động:	- Đi trong đường hẹp, bật xa 30 cm. - Đi hết đoạn đường hẹp (3mx0,2m) - Đi kiềng gót liên tục 3m. - Đi trong đường hẹp, bò bằng bàn tay và cẳng chân.
	11	- Cháu phát triển vận động trườn về phía trước.	- Trườn sấp
	12	- Cháu phát triển vận động như: Ném xa bằng 2 tay.	- Ném xa bằng 2 tay. - Ném xa, chạy 10m.
	13	- Biết phối hợp vận động các giác quan.Bật liên tục qua 5 ô vuông.	- Bật liên tục qua 5 ô vuông.
	14	- Luyện tập cho trẻ tính mạnh dạn, khéo léo khi trèo, trườn, trèo.	- Trèo thang. - Bước lên bục cao 30cm. - Trườn theo hướng thẳng, trườn zích zắc. - Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế. - Trườn sấp, đập bóng. - Bò chui qua cổng-trườn về phía trước.
	15	- Phát triển sự nhanh nhẹn, khéo léo và phối hợp vận động-các giác quan ném trúng đích, chuyền.	- Ném trúng đích, đích thẳng đứng. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng

		ngang, hàng dọc. - Chuyển bóng theo TC: Thi ai hái quả nhanh hơn.
16	- Phát triển một số vận động cơ bản đi cho trẻ.	- Đi ngang bước dồn theo trò chơi chọn quả. - Đi ngang bước dồn, trèo ghế.
17	- Phát triển một số vận động cơ bản: Bật chụm chân liên tục vào 5 vòng.	- Bật chụm chân liên tục vào 5 vòng.
18	- Phát triển sự phối hợp vận động Bật qua dây	- Bật qua dây
19	- Phát triển một số vận động cơ bản của các động tác bật.	- Bật tại chỗ theo trò chơi” nhảy cao như bóng nảy” - Bật tại chỗ, tập nhún chân.
20	- Phát triển sự nhanh nhẹn khéo léo và phối hợp giữa các chi, rèn luyện sức khỏe dẻo dai cho trẻ.	- Chạy chậm.
21	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:	- Ném trúng đích theo trò chơi” cho cá ăn”
22	- Trẻ phát triển khả năng vận động, mô phỏng lại công việc của 1 số nghề nghiệp quen thuộc.	- Chạy chui qua cổng theo trò chơi” thi xem tổ nào nhanh”
23	- Trẻ thể hiện sự nhanh mạnh, kjo1 khi thực hiện liên tục bài tập chạy nhanh.	- Chạy nhanh 10 m
24	- Luyện tập cho trẻ tính mạnh dạn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, rèn luyện sức khỏe dẻo dai cho các cháu.	- Ném xa bằng 2 tay
25	- Trẻ biết các vận động cơ bản: bật xa, bậc sâu 20-25 cm.	- Bật xa 20-25cm. - Bật xa theo trò chơi nhảy qua suối. - Bậc sâu 20-25 cm.
26	- Luyện tập cho trẻ tính nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động. - Phát triển sự phối hợp của mắt và tay.	- Đi chạy theo trò chơi” Làm đoàn tàu”
27	- Phát triển một số vận động cơ bản, bò chạy, chui qua cổng.	- Bò chui qua cổng
28	- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
29	-Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:	- Gập, đan, các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.

			<ul style="list-style-type: none"> - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Tô, vẽ nguệch ngoạc. - Cài cời cúc.
30	- Cháu nhận biết được một số thực phẩm qua các món ăn tại trường		Cháu có kỹ năng phân loại được các món ăn tại trường, và biết ăn uống nhai từ tốn, không nhai nhồm nhoàm, nói chuyện cười giỡn trong khi ăn.
31	- Tập tự phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày tại trường : cháu biết rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh		<ul style="list-style-type: none"> - Cháu có kỹ năng rửa tay, lau mặt bằng khăn ướt, tự làm một số công việc tại trường. +Tập thói quen rửa tay bằng xà phòng. +Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước +Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.
32	- Các cháu có thói quen tốt trong việc giữ gìn vệ sinh cá nhân vệ sinh môi trường môi trường sạch sẽ.		- Cháu rèn luyện thói quen tốt về vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định....biết giữ gìn vệ sinh môi trường.
33	- Cháu nhận biết được những vật dụng nơi an toàn và không an toàn tại trường, không theo người lạ, không ra khỏi khu vực lớp, trường khi chưa được phép của cô. giữ an toàn cho bản thân và cho bạn khi chơi.		- Cháu có kỹ năng giữ gìn bảo vệ an toàn và sức khỏe. Biết gọi cô giáo khi bị ốm, không chịu theo người lạ, không ra khỏi khu vực nhóm lớp khi chưa xin phép cô giáo, không có những hành vi gây nguy hiểm cho bản thân và cho bạn.
34	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. 		- Cháu có thói quen tốt trong việc giữ gìn sức khỏe và lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người như: không vứt rác bừa bãi...
35	- Biết mặc trang phục phù hợp thời tiết.		- Cháu biết mặc quần áo ấm khi trời lạnh, biết mặc quần áo mát khi trời nóng nực, trời mưa biết mặc áo mưa, đội nón, che dù khi trời nắng.
36	- Cháu biết nhu cầu ăn uống của gia đình.		- Các bữa ăn trong gia đình, làm quen và tham gia chế biến một số món ăn đơn giản. Làm quen 4 nhóm thực phẩm; chất bột đường, chất đạm, chất béo, khoáng chất và các vitamin.
37	- Giúp bố mẹ làm một số việc vừa sức		- Phụ rửa rau, lấy thực phẩm đưa cho ba mẹ nấu. Làm gì khi trong nhà có người bị ốm, ví dụ: lấy nước cho người bệnh uống, nhúng khăn để người bệnh lau mát v.v...

	38	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	-Tránh những vật nhọn sắc như dao, nĩa, đinh que v.v.. Những nơi nguy hiểm như: hồ, bếp, sàn nước, phải có người lớn đi cùng
	39	- Cháu có kỹ năng ăn uống các loại trái cây	- Cháu biết rửa sạch, bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, măng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt.v.v.....như bỏ hạt, rửa sạch, không dùng dao để xắt trái cây mà phải nhờ người lớn giúp.
	40	- Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm khi ăn, không ăn thực phẩm ôi thiu, nấm mốc.v.v...	Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm tươi sống và thực phẩm ôi thiu.
	41	- Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm trong ngày tết. Cháu biết giữ gìn sức khỏe trong ngày tết và khi chuyển mùa.	- Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm an toàn cho bản thân trong dịp tết. Ăn uống có chừng mực, ăn nhiều thực phẩm, nghỉ ngơi hợp lý, không thức khuya.
	42	- iết một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.	- Trẻ kể được tên một số thức ăn và các chất dinh dưỡng, ích lợi của 4 nhóm thực phẩm có trong bữa ăn hàng ngày. - Biết và không ăn những món ăn ngუდი lạnh, ôi thiu...
	43	-Cháu biết mối nguy hiểm khi chọc hoặc chơi gần chó mèo lạ, cẩn thận khi tiếp xúc với những con vật dữ.	- Biết cách tránh các hành động gây nguy hiểm như chọc phá các con vật nuôi để giữ an toàn cho bản thân mình.
	44	- Cháu biết các loại nguồn nước, và biết sử dụng đúng nguồn nước.	- Cháu biết có các loại nước, nước uống và nước để xài, nước sinh hoạt hàng ngày. - Cháu biết ích lợi của nước đối với con người, cây cối và biết giữ gìn nguồn nước trong cuộc sống hàng ngày.
	45	- Cháu biết an toàn khi tham gia giao thông	- Biết ngồi xe máy phải đội nón bảo hiểm, vịn tay, ngồi xe hơi không thò đầu ra ngoài v.v.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	46	- Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về sự thay đổi của sự vật, hiện tượng: "vì sao cây lại héo?", "vì sao lá cây bị ứt?"	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Các nguồn nước trong môi trường sống.

			<ul style="list-style-type: none">- Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối.- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước
47	<ul style="list-style-type: none">- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none">- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi	
48	<ul style="list-style-type: none">- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường / muối vào nước, dự đoán, qua sát, so sánh.	<ul style="list-style-type: none">- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây- Sự khác nhau giữa ngày và đêm- Một số đặc điểm, tính chất của nước.	
49	<ul style="list-style-type: none">- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none">- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người	
50	<ul style="list-style-type: none">- Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	<ul style="list-style-type: none">- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu	
51	<ul style="list-style-type: none">- Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn.	<ul style="list-style-type: none">- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	
52	<ul style="list-style-type: none">- Nhận xét về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. Biết cách nhận biết màu.- Nhận biết được độ to-nhỏ của 2 đối tượng. Chiều cao của 2 đối tượng.	<ul style="list-style-type: none">- So sánh sự giống-khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.- So sánh sự giống-khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.- Nhận biết được độ to-nhỏ. Chiều cao của 2 đối tượng.	
53	<ul style="list-style-type: none">- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: "bao nhiêu?" , "là số mấy?"...	<ul style="list-style-type: none">- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5.	
54	<ul style="list-style-type: none">- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	<ul style="list-style-type: none">- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	
55	<ul style="list-style-type: none">- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	<ul style="list-style-type: none">- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm	
56	<ul style="list-style-type: none">- Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm nhỏ hơn. Biết ghép đôi một số đồ dùng	<ul style="list-style-type: none">- Tách các nhóm đối tượng thành nhóm nhỏ hơn- Ghép đôi đồ vật giống nhau.	

	theo yêu cầu.	
57	- Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
58	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
59	- Sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh. - Cháu nhận biết được độ rộng hẹp của 2 đối tượng.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo - Biết được độ rộng hẹp của 2 đối tượng.
60	- Nhận dạng và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật... Tạo nhóm đồ vật theo dấu hiệu hình dạng. - Cháu nhận biết được sự giống nhau – khác nhau.	- So sánh sự khác - giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Tạo nhóm đồ vật theo dấu hiệu hình dạng. - Nhận biết được giống nhau – khác nhau.
61	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
62	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ (phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, phía phải- phía trái)
63	- Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.
64	- Biết họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân
65	- Biết họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
66	- Biết địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm).
67	- Biết tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, địa chỉ của trường, lớp.
68	- Biết tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi trò chuyện.	- Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
69	- Biết một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Biết được các chức năng của các giác quan và các bộ phận khác nhau trên cơ thể. - Họ, tên và một vài đặc điểm của các

			bạn; các hoạt động của trẻ ở trường
	70	- Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm - ít lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
	71	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
		- Trẻ biết được một số thông tin, đặc điểm về lễ hội Trung Thu.	- Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các hoạt động trong ngày tết trung thu.
		- Biết được một số đặc điểm quan trọng của ngày 20/11	- Trẻ biết được ý nghĩa và các hoạt động nổi bật của ngày nhà giáo Việt Nam 20/11.
		- Biết một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	- Biết tên ba mẹ, người thân gần gũi, biết số nhà, số điện thoại để nhờ người giúp đỡ khi bị lạc đường. - Biết nghề nghiệp bố mẹ.
	72	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương. - Cháu biết được ngày sinh nhật Bác.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, cảnh vật của mùa hè.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	73	-Biết sử dụng các từ chỉ người tên gọi đồ vật sự vật, hành động hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu
	74	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	- Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên các nhân vật. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi
	75	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	76	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai ?", "cái gì ?", "ở đâu?", "khi nào ?", "để làm gì?"
	77	- Sử dụng được các loại câu đơn, câu mở rộng.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
	78	- Kể lại được sự việc đơn giản.	- Kể lại sự việc có tình tiết đơn giản.
	79	- Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
	80	- Sử dụng lời nói để trao đổi	- Biết dùng lời nói để giao tiếp cùng các bạn.

	81	- Kể chuyện đơn giản đã được nghe và có sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại truyện đã được nghe, với sự giúp đỡ của người lớn.
	82	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện	- Đóng kịch.
	83	- Sử dụng các từ như “ vâng ạ”, “Dạ”, “thưa” trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
	84	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp khi được nhắc nhở.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó
	885	- Chọn sách để xem. Nhận biết và làm quen được 1 số chữ cái đơn giản.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn, bảo quản sách
	86	- Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	- "Đọc" truyện qua các tranh vẽ
	87	- Cầm sách đúng chiều và lật từng trang để xem tranh ảnh. " Đọc" sách theo tranh minh họa ("đọc vẹt").	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
	88	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nguy hiểm...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	89	- Hát tự nhiên, hát được theo bài hát quen thuộc.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	90	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhạc, bài hát. - Biết vận động theo nhịp của bài hát đơn giản.
	91	- Sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang và tô màu để tạo thành bức tranh đơn giản. - Cắt, Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp để tạo thành các sản phẩm có 1 khối, nhiều khối.
	92	- Rèn cho trẻ các kĩ năng tạo hình.	-Rèn cho trẻ kĩ năng tô màu, cách cầm bút tô đúng
	93	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	-Trẻ biết quan sát nhìn xem các sản phẩm và nhận xét theo ý kiến của mình.
	94	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	-Trẻ ngắm nhìn vẽ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, đồ dùng đồ chơi.
PHÁT TRIỂN TÌNH	95	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố - mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, bố mẹ
	96	- Nói được điều bé thích, không thích,	- Sở thích, khả năng của bản thân

CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		những việc gì bé có thể làm được	
	97	- Có gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	- Hoàn thành công việc được giao
	98	- Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh ảnh...	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
	99	- Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
	100	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ
	101	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ.	- Các hình ảnh của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi, lắng Bác
	102	- Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	103	- Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, cha mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, giúp đỡ bạn. - Phân biệt hành vi "đúng"- "sai" "tốt"- "xấu"
	104	- Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
	105	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Lắng nghe cô và bạn nói
	106	- Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt, hợp tác.
	107	- Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Phối hợp, thỏa thuận với bạn khi chơi, làm nhiệm vụ.
	108	- Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	- Tiết kiệm điện, nước.
	109	- Bỏ rác đúng nơi quy định	- Bỏ rác vào thùng rác - Giữ gìn vệ sinh môi trường
	110	- Không bẻ cành, ngắt hoa	- Bảo vệ, chăm sóc, con vật và cây cối

5. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CỦA LỚP CHƠI: CÓ 5 LĨNH VỰC.

5.1. Phát triển thể chất:

- Cân nặng và chiều cao của trẻ:

Cân nặng theo tuổi: Trẻ trai: CN từ 14,1 – 24,2kg;
Trẻ gái: cân nặng từ 13,7 – 24,9 kg
Chiều cao theo tuổi: Trẻ trai: từ 100,7 – 119,2cm.
Trẻ gái từ 99,9 – 118,9 cm

- Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi.
- Chạy 15 m trong khoảng 10 giây.
- Chạy đổi hướng theo hiệu lệnh.
- Bò theo đường dích dắc không bị chạm vật mức.
- Ném xa 4m bằng 1 tay.
- Bật xa 35 – 40 cm.
- Cắt được đường thẳng.
- Có thói quen rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, khi tay bẩn và sau khi đi vệ sinh.
- Biết tự đánh răng, lau mặt.
- Biết tránh xa những vật dụng nguy hiểm, nơi không an toàn.

5.2 Phát triển nhận thức:

- Thích tìm hiểu và khám phá môi trường xung quanh. Hay đặt câu hỏi: Tại sao? Để làm gì? Làm thế nào? Khi nào?
- phân biệt bản thân với bạn cùng tuổi.
- Phân loại được một số đối tượng theo 2- 3 dấu hiệu cho trước. Tự tìm ra dấu hiệu phân loại.
- Nhận biết được phía phải, phía trái của người khác.
- Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai.
- Có biểu tượng về số trong phạm vi 10, thêm bớt trong phạm vi 10.
- Phân biệt các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật qua các đặt điểm nổi bật.
- So sánh và sử dụng được các từ: To nhất – nhỏ hơn – nhỏ nhất; Cao nhất – thấp hơn - thấp nhất; Rộng nhất – hẹp hơn – hẹp nhất; Nhiều nhấ - ít hơn – ít nhất.
- Phân biệt một số công cụ, sản phẩm, công việc, ý nghĩa của một số nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
- Biết được một số công việc của các thành viên trong gia đình, của cô giáo và trẻ trong lớp, trường mầm non.
- Nhận biết một vài nét đặc trưng về danh lam thắng cảnh của địa phương và quê hương đất nước.

5.3 Phát triển ngôn ngữ:

- Nhận dạng các chữ cái và phát âm được âm đó.
- Diễn đạt được các mong muốn, nhu cầu và suy nghĩ bằng nhiều loại câu.
- Hiểu được một số từ trái nghĩa.
- Tham gia có sáng tạo trong các hoạt động ngôn ngữ: đóng kịch, kể chuyện.
- “Đọc” và sao chép được một số ký hiệu.
- Mạnh dạn, tự tin, chủ động trong giao tiếp.

5.4 Phát triển tình cảm xã hội:

- Hợp tác, chia sẻ với bạn bè trong các hoạt động.
- Có hành vi ứng xử đúng với bản thân và những người xung quanh.
- Có hành vi, thái độ thể hiện sự quan tâm đến những người gần gũi.
- Vui vẻ nhận và thực hiện công việc được giao đến cùng.
- Thực hiện một số quy định trong gia đình, trường lớp mầm non, nơi công cộng.

- Giữ gìn và bảo vệ môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định; chăm sóc vật nuôi, cây cảnh; giữ gìn đồ dùng, đồ chơi; có ý thức tiết kiệm.

5.5 Phát triển thẩm mỹ:

- Thích tìm hiểu và bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, các tác phẩm nghệ thuật.

- Thích nghe nhạc, nghe hát. Chăm chú lắng nghe và nhận ra những giai điệu khác nhau của các bài hát, bản nhạc.

- Hát đúng và biết thể hiện sắc thái tình cảm của các bài hát mà trẻ yêu thích.

- Biết vận động nhịp nhàng phù hợp với nhịp điệu bài hát, bản nhạc: vỗ tay, đập chân, nhún nhảy, múa,

- Biết sử dụng các dụng cụ âm nhạc, vật liệu đa dạng; biết phối hợp màu sắc, hình dạng, đường nét để tạo ra sản phẩm tạo hình có nội dung và bố cục cân đối, màu sắc hài hòa.

- Biết sử dụng các màu sắc khác nhau như đỏ, xanh, vàng, hồng, nâu, tím, da cam, ... để tạo ra sản phẩm.

- Biết phối hợp giữa màu sắc, hình khối và đường nét trong trang trí.

- Biết nhận xét và giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn.

6. Mục tiêu và nội dung giáo dục cụ thể:

*** Khối chôi**

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN	Số TT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	- Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục buổi sáng đúng nhịp.	- Thực hiện các động tác thể dục sáng.
	2	- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	-Thực hiện các động tác đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên (kết hợp với mở bàn tay và nắm mở bàn tay.
	3	- Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.
	4	- Bật xa tối thiểu 40cm, bật liên tục vào vòng và bật tách chân khép chân vào các ô cho trước. Bật tiến về phía trước. - Phát triển cho trẻ sự khéo léo, nhanh nhẹn, dẻo dai.	- Bật liên tục vào 5 vòng - Bật xa 40 cm - Bật tách, khép chân qua 4 -5 ô. - Bật tiến về phía trước. - Bật liên tục qua 5 ô vuông - Bật sâu 15-20 cm. - Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30->35cm)
	5	-Nhảy xuống từ độ cao 30 - 35 cm	Nhảy xuống từ độ cao 25 - 30cm - Nhảy từ trên cao xuống 30 -35cm
	6	- Đập, Tung và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 2m.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Bắt và ném bóng với người đối diện bằng 2

	<ul style="list-style-type: none"> - Đập và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 2-3-lần liên tiếp - Chuyển và bắt bóng qua đầu – qua chân – qua trái – qua phải. - Lăn bóng bằng 2 tay. 	<p>tay (khoảng cách xa 3m).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đập bóng xuống sàn và tập bắt bóng. - Biết đập và bắt được bóng nảy bằng 2 tay liên tiếp. - Chuyển, bắt bóng qua đầu- qua chân - qua trái, qua phải. - Biết lăn bóng bằng 2 tay
7	- Phát triển một số vận động cơ bản cho trẻ qua bài tập ném.	<ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích thẳng đứng 1 tay, 2 tay. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích, đích nằm ngang. - Nhảy- ném - chạy tổng hợp
8	- Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,2m so với mặt đất.	<ul style="list-style-type: none"> - Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,2m - Trèo lên xuống 5 giống thang.
9	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập cho trẻ tính nhanh nhẹn, khéo léo và phát triển sự phối hợp của mắt và tay. + Đi bước lùi liên tục khoảng 3m. Đi thẳng bằng được trên ghế thể dục (2mx0,40m) không làm rơi vật đội trên đầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, bước lùi theo khoảng cách. - Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi nổi bàn chân tiến về phía trước - Đi thẳng bằng trên ghế thể dục không làm rơi vật đội trên đầu. - Đi trên ghế bang đầu đội túi cát. - Đi thẳng bằng “theo trò chơi đôi đồ chơi cho bạn”. - Đi trên ghế bang bước qua 3-4 vật.
10	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập cho trẻ tính mạnh dạn, khéo léo, rèn luyện sức khỏe dẻo dai cho các cháu. Đi, chạy liên tục theo hướng thẳng 8m -12m trong khoảng thời gian 10 giây. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi chạy theo trò chơi” Làm đoàn tàu” - Chạy ném trúng đích, đích nằm ngang - Đi chạy bước qua 2 chướng ngại vật cao 5-7cm - Chạy chui qua cổng theo trò chơi” thi xem tổ nào nhanh
11	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục 10m không hạn chế thời gian. - Chạy nhanh theo hướng thẳng.Chạy vòng qua 3-4 điểm đích dắccách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy làm theo người dẫn đầu. - Chạy theo trò chơi “mèo và chim sẻ”. - Chạy nhanh 12m, chạy chậm 10m - Chạy tốc độ vừa sức. - Chạy liên tục khoảng 8m- 10m không hạn chế thời gian. - Chạy Zích zắc qua 3-4 chướng ngại vật cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu - Chạy tự do, chạy thay đổi theo tốc độ
12	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết các vận động cơ bản và phát triển sự linh hoạt giữa đôi bàn tay, bàn chân và sự nhanh nhẹn của đôi mắt: Bò bằng bàn tay và bàn chân theo yêu cầu của cô. Bò trong 	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m - Bò chui qua cổng cao 50-60cm - Bò Zích zắc qua 5 điểm. - Trườn theo hướng thẳng. Trườn kết hợp trèo qua ghế dài. - Bò, chạy theo TC đàn chuột con.

		đường dích dặt cách nhau 2m. Trườn theo hướng thẳng kết hợp trèo qua ghế dài.	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.
	13	Tập các cử động của bàn tay- ngón tay. Phối hợp và sử dụng một số đồ dùng dụng cụ.	- Các loại cử động của bàn tay, ngón tay, cổ tay. - Lắp ráp các các hình xâu luồn các hạt buộc dây.
	14	- Thực hiện được các vận động cuộn – xoay tròn cổ tay gập, mở các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, Vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay ngón tay.
	15	- Biết tự mặc và cởi quần áo.	- Cài, cởi cúc áo, quần.
	16	- Nhảy lò cò được ít nhất 4-5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	- Đứng co 1 chân, Nhảy lò cò tự do, nhảy lò cò 4 - 5 m. - Nhảy lò cò, đổi chân. - Nhảy lò cò 4-5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.
	17	- Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 20 phút.	Rèn luyện thói quen làm việc đến nơi đến chốn. - Rèn luyện nề nếp học tập - Rèn tính tập trung chú ý. - Tổ chức các hoạt động có chủ đích
	18	- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.	- Thói quen rửa tay bằng xà phòng. - Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước. - Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Giữ gìn vệ sinh cá nhân
	19	- Biết tự rửa mặt, chải răng hằng ngày.	- Ích lợi của việc vệ sinh răng miệng - Kỹ năng chải răng, lau mặt hằng ngày - Thói quen chải răng, rửa mặt hằng ngày, giữ vệ sinh răng miệng, đầu tóc mặt mũi.
	20	- Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hằng ngày.	- Nói được các thực phẩm trong ngày và một số thức ăn hằng ngày ở trường, ở nhà. - Kể tên những món ăn mà trẻ biết, trẻ thích. - Biết 4 nhóm thực phẩm. Nhu cầu dinh dưỡng để cơ thể mau lớn, khỏe mạnh.
	21	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (sâu răng, tiêu chảy, béo phì ...) - Biết và không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ bị BP. - Biết và không ăn những món ăn nguội lạnh, ôi thiu...

			- Biết được các chất dinh dưỡng và ích lợi của 4 nhóm thực phẩm.
	22	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	- Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm như : Cây nhọn, đinh, kim, dao, kéo... - Biết bảo vệ sức khoẻ không chơi những vật dụng gây nguy hiểm đến tính mạng.
	23	- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như: Chơi cây nhọn, lấy cây que đâm vào mắt mũi của mình và bạn, nhét hạt vào mũi... - Ý thức trong việc bảo vệ an toàn cho bản thân và mọi người. - Biết được hành động đúng, hành động sai
	24	Biết không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.	Nhận biết những nơi không an toàn như: Chơi gần ổ cắm điện, bình nước đun sôi, giếng nước, chơi ngoài lòng đường... - Nhận biết và không chơi những nơi mất vệ sinh như bãi rác...
	25	- Biết không đi theo người lạ	- Giáo dục không theo người lạ mặt ra khỏi trường. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Có người lạ bế ẵm, rủ đi chơi... - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: Kẹt tay, chân vào đồ vật nào đó, ngã, động vật cắn, ông đốt, vật sắc nhọn, các hạt làm ngạt thở, điện giật,...
	26	- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm	- Biết kêu cứu ngay khi gặp trường hợp khẩn cấp hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	27	- Biết nói một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình, làng xóm nơi bé ở	- Các thông tin về cá nhân như: Họ tên, ngày sinh, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Các thông tin về gia đình: họ tên bố, mẹ, anh, số điện thoại của bố, mẹ, của gia đình - Biết về các thành viên trong gia đình, vị trí của trẻ trong gia đình - Nghề nghiệp của bố, mẹ, nhu cầu của gia đình, qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). - Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của các cô, các bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường
		- Biết được một số thông tin,	Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các

		đặc điểm về lễ hội Trung Thu.	hoạt động trong ngày tết trung thu.
		- Biết được một số đặc điểm quan trọng của ngày 20/11	- Trẻ biết được ý nghĩa và các hoạt động nổi bật của ngày nhà giáo Việt Nam 20/11.
	28	- Biết ứng xử phù hợp về giới tính của bản thân.	- Biết một số ứng xử cần có của bạn gái, bạn trai. - Biết lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính. - Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
	29	- Biết gọi tên nhóm cây cối, con vật, đồ vật theo đặc điểm chung.	<i>a/Cây cối, con vật:</i> - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Phân nhóm hoa, quả, con vật theo dấu hiệu cho trước <i>b/ Đồ dùng đồ chơi:</i> - Tên gọi, đặc điểm, chất liệu và công dụng của đồ dùng đồ chơi. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo công dụng, chất liệu.
	30	- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng thiên nhiên.	<i>a/ Con vật, cây:</i> - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối, con vật với môi trường sống. - Cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây cối. <i>b/ Hiện tượng tự nhiên:</i> - Biết được quá trình hình thành mưa.. - Các nguồn nước khác nhau - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Ích lợi của nước với đời sống con người, các con vật, cây cối. - Các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, các con vật và cây cối. - Biết một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, nước
	31	- Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.	- Biết tên gọi một số mùa trong năm : Mùa xuân, mùa hè, mùa đông. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.

		<ul style="list-style-type: none">+ Mùa xuân: Nhiều hoa nở, có nhiều quả ngon, không khí mát mẻ, có ngày Tết cổ truyền.+ Mùa hè: Nắng, gió, oi bức, mưa nhiều, có nhiều hoa phượng nở, ve kêu.+ Mùa đông: Trời se lạnh, trong mùa đông có lễ Noel.
32	<ul style="list-style-type: none">- Biết dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.- Cháu nhận biết được về thời gian.	<ul style="list-style-type: none">- Nhận biết một số hiện tượng sắp có mưa như : Mây đen, gió to, trời sầm tối, sấm chớp... Trời nắng: Bầu trời trong xanh, mây trắng, có ông mặt trời...- Dạy trẻ nhận biết thời gian (sáng, trưa, chiều, tối).
33	<ul style="list-style-type: none">- Biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng.- Phương tiện giao thông (đặc điểm...)	<ul style="list-style-type: none">- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi.- So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng đồ chơi.- Phân loại 2-3 đồ dùng đồ chơi- Phương tiện giao thông.- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.- Phân nhóm phương tiện giao thông theo nơi hoạt động.
34	<ul style="list-style-type: none">- Kể được một số nghề mà trẻ biết	<ul style="list-style-type: none">- Tên gọi, công cụ và sản phẩm của một số nghề trong xã hội.- Kể được công việc, nghề nghiệp của bố mẹ.
35	<ul style="list-style-type: none">- Nhận biết số lượng trong phạm vi 10, làm quen các số từ 1-5.- Cháu biết tách gộp 2 nhóm đối tượng cho trước.- Cháu biết cách sắp xếp theo quy tắc.	<ul style="list-style-type: none">- Ý nghĩa của các nghề quen thuộc- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.- Nhận biết các chữ số từ 1-5- Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.- Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 5.- Nhận biết sự giống và khác nhau giữa 2 nhóm số lượng.- Biết tách gộp 2 nhóm đối tượng cho trước.- Biết cách sắp xếp theo quy tắc.
36	<ul style="list-style-type: none">- Cháu biết so sánh kích thước các đối tượng- Cháu biết đo dung tích bằng 1 đơn vị đo.	<ul style="list-style-type: none">- So sánh kích thước 2-3 đối tượng- Đặt cạnh, đặt chồng các đối tượng và diễn đạt kết quả.- Biết đo dung tích bằng 1 đơn vị đo.
37	<ul style="list-style-type: none">- Nhận ra được khối cầu, khối vuông theo yêu cầu.- Biết ghép tương ứng các đồ	<ul style="list-style-type: none">- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành

		vật theo yêu cầu.	các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
	38	- Xác định được vị trí (trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
	39	- Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.	- Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu và làm rõ thông tin về một sự vật, sự việc hay người nào đó. - Thích đặt câu hỏi trong các giờ hoạt động tìm hiểu, khám phá, quan sát...
	40	- Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày... - Cháu biết làm thử nghiệm và sử dụng dụng cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Làm một số thử nghiệm đơn giản - Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu một sự vật hiện tượng nào đó. - Quan sát các sự vật , hiện tượng xung quanh.
	41	- Biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại...	- Quan sát và phân tích đơn giản một số hiện tượng xảy ra trong sinh hoạt hàng ngày. - Biết nguyên nhân dẫn đến kết quả của một số sự việc.
	42	- Biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện....	- Thay tên mới cho câu chuyện đúng với nội dung, ý nghĩa của câu chuyện. - Đặt tên cho đồ vật trẻ thích.
	43	- Biết thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình....	- Lựa chọn cách thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. - Có ý tưởng khác với các bạn khi tạo ra sản phẩm nào đó.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	44	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Kể chuyện cho trẻ nghe - Đóng kịch theo nội dung câu chuyện vừa kể. - Xem phim truyện trên màn hình phù hợp với chương trình và độ tuổi của trẻ
	45	- Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động	- Hiểu và làm theo được 2 - 3 yêu cầu. - Nghe hiểu nội dung của lời nói trong giao tiếp.
	46	- Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	Hiểu các từ khái quát, từ đồng nghĩa. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu phức.
	47	- Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.
	48	- Nói rõ ràng, phát âm rõ lời.	- Nói rõ ràng. Phát âm rõ lời. - Đọc những bài đồng dao luyện

		phát âm. - Trò chuyện, đàm thoại một số nội dung trong chương trình giáo dục trẻ.
49	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất trong sinh hoạt hàng ngày.	- Sử dụng các từ chỉ hành động, tính chất. - Các từ chỉ tên gọi của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, các từ chỉ đặc điểm của cây rau, hoa quả, con vật, đồ vật, các phương tiện và qui định giao thông...
50	- Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp;	- Sử dụng câu đơn, câu phức - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
51	- Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân....	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng lời nói. - Biết đặt các câu hỏi để làm rõ thông tin cần tìm hiểu.
52	- Sử dụng lời nói để trao đổi cùng bạn bè trong hoạt động....	- Biết dùng lời nói để giao tiếp, trò chuyện cùng các bạn. - Biết bày tỏ, chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân bằng lời nói để các bạn trong nhóm chơi hiểu và cùng tham gia vào hoạt động.
53	- Kể về một sự việc nào đó để người khác hiểu được....	- Biết dùng lời nói để diễn tả, mô tả lại một sự việc nào đó mà trẻ biết. - Biết kể theo trình tự để người khác hiểu.
54	- Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định;	- Nghe một số câu chuyện trong chủ đề. - Kể lại chuyện theo trình tự, đầy đủ về nhân vật.
55	- Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Chủ động trò chuyện, thảo luận trong nhóm chơi hoặc trong các cuộc giao tiếp với người lớn.
56	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp.	- Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với nhu cầu giao tiếp.
57	- Chú ý lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt phù hợp	- Chú ý lắng nghe và hiểu nội dung trong câu nói của người khác. - Biết đáp lại bằng thái độ đã hiểu lời nói của người khác bằng cử chỉ, nét mặt.
58	- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện.....	- Thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt. - Giáo dục phép lịch sự, biết tôn trọng người khác trong giao tiếp, không nói leo, ngắt lời khi người khác đang nói.
59	- Hỏi lại khi không hiểu người khác nói.....	- Biết đặt câu hỏi phù hợp để hỏi lại khi chưa hiểu lời người khác nói.

	60	- Sử dụng một số từ chào hỏi phù hợp với tình huống.....	- Biết chào hỏi, tạm biệt, các câu chúc sức khỏe ông bà... biết nói cảm ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh, tình huống trong giao tiếp.
	61	- Không nói tục, chửi bậy	- Biết nói tục chửi bậy là không tốt, không ngoan. - Có thái độ không đồng tình khi bạn chửi bậy, nói tục: thưa cô khi có bạn chửi bậy...
	62	- Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh;	- Nhận dạng một số chữ cái đơn giản mà trẻ biết. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
	63	- Thể hiện sự thích thú với sách, biết phối hợp cùng cô và bạn tạo ra sách truyện tranh đơn giản.	- Thích chơi với sách, xem và đọc sách ở mọi lúc mọi nơi một mình. - Chú ý nghe đọc sách, tìm hiểu nội dung tranh vẽ trong sách - Xem, nghe đọc và tự “đọc” sách
	64	- Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	- Có một số hành vi giữ gìn, bảo vệ sách (giữ sách từng trang, không vẽ bậy, xé, làm nhàu sách, xem sách xong biết cất sách vào nơi qui định
	65	- Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống.....	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống hàng ngày(nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...)
	66	- Có một số hành vi như người đọc sách	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc sách từ trên xuống dưới, từ trái sang phải.
	67	- “Xem, đọc” theo truyện tranh đã biết.	- Xem và đọc các loại sách khác nhau. - Đọc truyện qua tranh vẽ.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	68	- Biết kể chuyện theo tranh.	- Biết dựa theo tranh để kể lại thành một câu chuyện. - Sắp xếp tranh theo trình tự nội dung. Kể một câu chuyện có mở đầu có kết thúc.
	69	- Vẽ, tô màu kín các hình vẽ.	- Cách cầm bút, tư thế ngồi. - Tô màu trên hình rỗng đã vẽ sẵn - Vẽ và tô màu theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích
	70	- Cháu biết Cắt, xé, dán các hình vào đúng vị trí cho trước. - Cháu biết trang trí tranh theo yêu cầu của cô	- Cắt theo đường thẳng, đường cong. - Cắt rời các hình trên tạp chí, họa báo, trên hình vẽ sẵn theo yêu cầu, theo ý thích của trẻ. - Dán hình theo ý thích, - Dán hình vào vị trí qui định. - Dán hình trang trí bức tranh - Biết trang trí tranh theo yêu cầu của cô
	71	- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.	- Khoe với người khác về công việc mình đã hoàn thành.

			- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc và mong muốn người khác khen ngợi.
	72	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.	- Thể hiện thái độ khi ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật hiện tượng xung quanh. - Nhận ra cái đẹp trong nghệ thuật tạo hình.
	73	- Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	- Dùng các biểu tượng, hình vẽ khác nhau để thể hiện cảm xúc, nhu cầu của mình. - Nói ý tưởng và đặt tên sản phẩm tạo hình của mình.
	74	- Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc;	- Hát, vận động, nghe các thể loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca.) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn) của một số bài hát, bản nhạc phù hợp lứa tuổi.
	75	- Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em.	- Hát vận động các bài hát phù hợp lứa tuổi và các chủ đề trong năm. - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái của bài hát.
	76	- Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.	- Hát và vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu chậm.
	77	- Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm. - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc và bố cục. - Vẽ, nặn, xé dán một số sản phẩm tạo hình theo mẫu, đề tài, theo ý thích.
	78	- Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.	- Nói lên ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.
OPHÁT TRIỂN TÌNH CẢM-KỸ NĂNG XÃ HỘI	79	- Che miệng khi ho, ngáp, hắt hơi.	- Thói quen tốt trong giao tiếp với mọi người, trong ăn uống hoặc những nơi công cộng. - Một số thói quen hành vi văn minh khi ho, ngáp, hắt hơi
	80	- Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch đẹp	- Thói quen tự phục vụ để giữ vệ sinh cá nhân. - Giữ đầu tóc quần áo sạch sẽ gọn gàng.
	81	- Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Chủ động trong một số hoạt động.
	82	- Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân	- Mạnh dạn bày tỏ ý kiến sở thích của bản thân - Đề xuất trò chơi và hoạt động

83	- Cố gắng thực hiện công việc đến cùng.	- Tự tin khi thực hiện công việc được giao - Hoàn thành công việc được giao
84	- Biết làm một số công việc đơn giản hằng ngày.	- Thực hiện một số công việc hàng ngày: Cất đồ chơi sau khi chơi, phụ cô kê bàn ăn, tự giác đi rửa tay sau khi đi vệ sinh.
85	- Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.	- Nói được điều trẻ thích, không thích. - Mạnh dạn khi tham gia thảo luận cùng cô và các bạn.
86	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận của người khác;	- Nhận biết và nói được một số trạng thái cảm xúc của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, phim hình...
87	- Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt;	- Nhận biết và thể hiện cảm xúc(vui, buồn, sợ hãi, tức giận) với bố mẹ, anh chị em, bạn bè, cô giáo...) - Tình cảm yêu thương và Kính yêu Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm với các con vật - Thể hiện tình cảm với thiên nhiên.
88	- Thể hiện sự an ủi với người thân và bạn bè;	- Nhận biết tâm trạng của người thân, bạn bè. - Biết quan tâm chia sẻ, an ủi bạn bè, người thân khi buồn bằng cử chỉ, lời nói
89	- Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc;	- Nhận biết cây cối, con vật cần được chăm sóc và bảo vệ để lớn lên và phát triển. Biết thể hiện tình cảm với các con vật, cho con vật quen thuộc ăn. - Thích được tham gia chăm sóc cây cối như : Nhặt lá vàng, nhổ cỏ, tưới cây, ...
90	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Biết hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi ... khi được người khác an ủi, chia sẻ và giải thích. - Biết sử dụng lời nói để diễn tả cảm xúc của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân.
91	- Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi;	- Nhanh chóng nhập cuộc để cùng chơi với các bạn. - Biết giúp đỡ, phối hợp với bạn trong quá trình chơi
92	- Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi;	- Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp. - Chủ động bắt chuyện và trả lời các câu hỏi trong giao tiếp.
93	- Thích chia sẻ kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi.	- Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi và chia sẻ đồ dùng với bạn trong hoạt động cùng nhóm.

94	- Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	- Biết giúp đỡ bạn, người khác gặp khó khăn khi có sự nhắc nhở của người lớn. - Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn
95	- Có nhóm bạn chơi thường xuyên;	- Thích chơi cùng với các bạn, - Quan tâm, chia sẻ và nhường nhịn bạn khi chơi.
96	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	- Có ý thức chờ đợi đến lượt, không chen lấn xô đẩy bạn, - Rèn luyện tính kiên trì. Tuân thủ theo nội qui qui định của lớp học. - Nề nếp thói quen trong học tập, sinh hoạt.
97	- Lắng nghe ý kiến của người khác;	- Biết chú ý lắng nghe khi người khác nói, kể chuyện. - Mạnh dạn chia sẻ suy nghĩ, bổ sung ý kiến với bạn khi giao tiếp.
98	- Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.	- Chơi với bạn vui vẻ, biết giúp đỡ bạn. - Biết cách giải quyết vấn đề khi trong nhóm chơi gặp mâu thuẫn (nhờ người lớn giải quyết).
99	- Chấp nhận sự phân công của người lớn.	- Vui vẻ, chấp nhận sự phân công. - Thái độ chấp hành nhiệm vụ một cách vui vẻ và sẵn sàng. - Chủ động trong một số hoạt động
100	- Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	- Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi) - Rèn luyện thói quen, hành vi, cử chỉ lễ phép, lịch sự.
101	- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;	- Thói quen xưng hô thân mật với bạn, lễ phép với người lớn.
102	- Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết;	- Mạnh dạn nhờ sự giúp đỡ của cô và các bạn khi cần thiết. - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng-sai”, “tốt -xấu”.
103	- Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường	- Nhận ra một số hành vi đúng sai của con người đối với môi trường như: Vứt rác bừa bãi, bẻ cây...
104	- Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	- Tiết kiệm điện nước trong gia đình và lớp học. - Thói quen bỏ rác vào thùng, Cát dọn đồ dùng đồ chơi ngăn nắp - Tiết kiệm điện, nước. - Chăm sóc cây xanh trong lớp.

	105	- Nói được sở thích của bạn bè và người thân.	- Nhận biết sở thích của người thân, bạn bè. - Nói được sở thích của người thân.
	106	- Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình...	- Điểm giống và khác nhau giữa bé và các bạn về (giới tính, vóc dáng, màu da...) - Sở thích, khả năng của bản thân - Trách nhiệm của bé trong gia đình. - Trách nhiệm của bé ở lớp, ở trường.

6. TIÊU CHUƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CỦA LỚP LÁ: CÓ 5 LĨNH VỰC.

6.1. Phát triển thể chất:

- Cân nặng và chiều cao:

Cân nặng theo tuổi: Trẻ trai: CN từ 15,9 – 27,1kg;

Trẻ gái: cân nặng từ 15,3 – 27,8 kg

Chiều cao theo tuổi: Trẻ trai: từ 106,1 – 125,8cm.

Trẻ gái từ 104,9 – 125,4 cm

- Chạy 18m trong khoảng 10 giây.
- Chạy đổi hướng theo hiệu lệnh.
- Bò theo đường dích dắc không bị chạm vật mức.
- Ném xa 4m bằng 2 tay.
- Bật xa 50 – 60 cm.
- Cắt được đường tròn.
- Có thói quen rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, khi tay bẩn và sau khi đi vệ sinh.
- Biết tự đánh răng, lau mặt.
- Biết tránh xa những vật dụng nguy hiểm, nơi không an toàn.

6.2. Phát triển nhận thức:

- Thích tìm hiểu và khám phá môi trường xung quanh. Hay đặt câu hỏi: Tại sao? Để làm gì? Làm thế nào? Khi nào?
- phân biệt bản thân với bạn cùng tuổi.
- Phân loại được một số đối tượng theo 2- 3 dấu hiệu cho trước. Tự tìm ra dấu hiệu phân loại.
- Nhận biết được phía phải, phía trái của người khác.
- Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai.
- Có biểu tượng về số trong phạm vi 10, thêm bớt trong phạm vi 10.
- Phân biệt các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật qua các đặt điểm nổi bật.
- So sánh và sử dụng được các từ: To nhất – nhỏ hơn – nhỏ nhất; Cao nhất – thấp hơn - thấp nhất; Rộng nhất – hẹp hơn – hẹp nhất; Nhiều nhất - ít hơn – ít nhất.
- Phân biệt một số công cụ, sản phẩm, công việc, ý nghĩa của một số nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
- Biết được một số công việc của các thành viên trong gia đình, của cô giáo và trẻ trong lớp, trường mầm non.
- Nhận biết một vài nét đặc trưng về danh lam thắng cảnh của địa phương và quê hương Bình Dương.

6.3. Phát triển ngôn ngữ:

- Nhận dạng các chữ cái và phát âm được âm đó.
- Diễn đạt được các mong muốn, nhu cầu và suy nghĩ bằng nhiều loại câu.

- Hiểu được một số từ trái nghĩa.
- Tham gia có sáng tạo trong các hoạt động ngôn ngữ: đóng kịch, kể chuyện,....
- “Đọc” và sao chép được một số ký hiệu.
- Mạnh dạn, tự tin, chủ động trong giao tiếp.

6.4. Phát triển tình cảm xã hội:

- Hợp tác, chia sẻ với bạn bè trong các hoạt động.
- Có hành vi ứng xử đúng với bản thân và những người xung quanh.
- Có hành vi, thái độ thể hiện sự quan tâm đến những người gần gũi.
- Vui vẻ nhận và thực hiện công việc được giao đến cùng.
- Thực hiện một số quy định trong gia đình, trường lớp mầm non, nơi công cộng.
- Giữ gìn và bảo vệ môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định; chăm sóc vật nuôi, cây cảnh; giữ gìn đồ dùng, đồ chơi; có ý thức tiết kiệm.

6.5. Phát triển thẩm mỹ:

- Thích tìm hiểu và bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, các tác phẩm nghệ thuật.
- Thích nghe nhạc, nghe hát. Chăm chú lắng nghe và nhận ra những giai điệu khác nhau của các bài hát, bản nhạc.
- Hát đúng và biết thể hiện sắc thái tình cảm của các bài hát mà trẻ yêu thích.
- Biết vận động nhịp nhàng phù hợp với nhịp điệu bài hát, bản nhạc: vỗ tay, dậm chân, nhún nhảy, múa,...
- Biết sử dụng các dụng cụ âm nhạc, vật liệu đa dạng; biết phối hợp màu sắc, hình dạng, đường nét để tạo ra sản phẩm tạo hình có nội dung và bố cục cân đối, màu sắc hài hòa.
- Biết sử dụng các màu sắc khác nhau như đỏ, xanh, vàng, hồng, nâu, tím, da cam... để tạo ra sản phẩm.
- Biết phối hợp giữa màu sắc, hình khối và đường nét trong trang trí.
- Biết nhận xét và giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn

II. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ:

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN	SỐ THỨ TỰ	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	-Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục buổi sáng đúng nhịp.	-Thực hiện các động tác thể dục sáng ngoài trời.
	2	-Bật xa tối thiểu 50cm	-Bật qua vật cản 15 – 20cm -Bật liên tục vào vòng -Bật liên tục qua 3-4 chướng ngại vật (Cao 5-7cm, rộng 2-3cm, cách nhau 40cm) Bật xa theo trò chơi: “ Nhảy tiếp sức” Bật liên tục qua 5 chướng ngại vật (Cao 12 cm cách nhau 30 cm) theo trò chơi

			-Bật xa 50cm
3	-Nhảy xuống từ độ cao 40cm		-Bật tách khếp chân qua 7 ô -Nhảy xuống từ độ cao 35cm -Nhảy từ trên cao xuống 35cm – 40cm
4	-Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m (phối hợp tay và mắt)		-Tung bóng lên cao và bắt bóng -Tung, đập bắt bóng tại chỗ -Bắt và ném bóng với người đối diện bằng 2 tay (khoảng cách xa 4m) -Chuyền bắt bóng qua đầu, qua chân
5	-Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m) (phối hợp giữa mắt tay và chân)		-Ném xa bằng 1 tay, 2 tay -Ném trúng đích đứng 1 tay, 2 tay -Chuyền bắt bóng qua đầu, qua chân -Ném xa bằng 2 tay theo trò chơi thi xem ai ném xa nhất - Ném trúng đích theo trò chơi: “Ai nhiều điểm nhất” - Ném xa bằng hai tay theo trò chơi: “Thi xem ai ném xa nhất”
6	-Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất		-Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m -Trèo lên xuống thang kết hợp chân nọ tay kia. Trèo lên xuống ghế cao 35 cm -Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm - Trườn sấp theo hướng thẳng kết hợp chui qua cổng.
7	-Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu		-Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m – 5m - Bò bằng bàn tay và bàn chân -Bò đích dắc qua 7 điểm, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu - Bò đích dắc qua 5 hộp
8	-Biết tự mặc và cởi quần áo		-Các loại cử động của bàn tay, ngón tay, cổ tay -Lắp ráp các hình, khâu luồn các hạt, buộc dây -Cài, cởi cúc áo, quần, kéo khóa -Đứng co 1 chân, nhảy lò cò tự do, nhảy lò cò

			4-5m
9	-Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu	-Nhảy lò cò, đổi chân Nhảy lò cò 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu	
10	-Đi, đập và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 4-5 lần liên tiếp	- Đập bóng xuống sàn-Tập bắt bóng -Đi, đập và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 4-5 lần liên tiếp -Chuyền bóng qua đầu, qua chân	
11	-Đi thẳng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) không làm rơi vật đội trên đầu. Đứng 1 chân và giữ thẳng người trong vòng 10 giây, đi lên xuống trên ván dốc (dài 2m rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. (Kiểm soát vận động)	-Đi ngang bước dồn trên ghế thể dục -Đi thẳng bằng trên ghế đầu đội túi cát, lần lượt bước qua 2, 3 chướng ngại vật -Đi nổi bàn chân tiến lùi	
12	-Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng thời gian (5 - 7), 10 giây	- Chạy tự do, chạy thay đổi tốc độ - Chạy 15m trong khoảng 10 giây - Chạy 18m trong khoảng 5 – 7 giây -Tổng hợp : “ Bật – Đi – Ném – Chạy” - Tổng hợp: Bật – Đi – Ném – Chạy” theo trò chơi : Ai nhanh hơn	
13	-Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian	-Chạy theo đường đích dắc -Chạy chậm khoảng 100 – 120m -Chạy liên tục khoảng 100m – 120m không hạn chế thời gian	
14	-Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút	-Rèn luyện thói quen làm việc đến nơi đến chốn -Rèn luyện nề nếp học tập -Rèn tính tập trung chú ý -Tổ chức hoạt động có chủ đích	
15	-Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	-Thói quen rửa tay bằng xà phòng -Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước -Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn -Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Giữ gìn vệ sinh cá nhân	
16	-Biết tự rửa mặt, lau mặt chải răng hàng ngày.	-Ích lợi của việc vệ sinh răng miệng -Kỹ năng đánh răng, lau mặt, rửa mặt. -Thói quen đánh răng rửa mặt hàng ngày -Giữ vệ sinh răng miệng, đầu tóc mặt mũi...	
17	-Biết kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày, ích lợi của việc ăn uống	-Nói được các bữa ăn trong ngày và một số thức ăn hàng ngày ở trường, ở nhà -Kể tên những món ăn mà trẻ biết, cách chế	

		đủ lượng và chất	biết 1 số món ăn đơn giản -Biết 4 nhóm thực phẩm. Nhu cầu dinh dưỡng để cơ thể mau lớn, khỏe mạnh -Làm quen 1 số thao tác trong việc chế biến món ăn, thức uống đơn giản
18		-Có những hành vi tốt trong ăn uống. Biết và không ăn, uống 1 số thứ có hại cho sức khỏe.	-Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng...) -Biết và không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ bị béo phì -Biết và không ăn những món ăn nguội lạnh, ôi thiu, những thức ăn không hợp vệ sinh -Rèn cho cháu những thói quen, hành vi văn minh trong ăn uống
19		-Nhận ra và không chơi 1 số đồ vật có thể gây nguy hiểm	-Nhận biết 1 số đồ vật gây nguy hiểm như: cây nhọn, que, đinh, kim, thủy tinh, dao, kéo... -Biết bảo vệ sức khỏe không chơi những vật dụng gây nguy hiểm đến tính mạng
20		-Biết và không làm 1 số việc có thể gây nguy hiểm	-Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như: chơi cây nhọn, lấy cây que đâm vào mắt mũi của mình và bạn, nhét hạt vào mũi... -Ý thức trong việc bảo vệ an toàn cho bản thân và mọi người -Biết được hành động đúng, hành động sai
21		-Biết, không chơi những vật không an toàn, không chơi ở nơi mất vệ sinh, nguy hiểm	-Nhận biết những nơi không an toàn như: chơi gần ổ cắm điện, bếp lò, bình nước đun sôi, giếng nước, ao hồ, chơi ngoài lòng đường, chuồng trại nuôi thú... -Nhận biết và không chơi những nơi mất vệ sinh như: khu chăn nuôi, bãi rác...
22		-Biết không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép	-Giáo dục trẻ có thói quen xin phép cô, ba mẹ người lớn, người thân khi nhận quà. Không theo người lạ mặt ra khỏi trường -Biết tránh 1 số trường hợp không an toàn: có người lạ bế ẵm, cho kẹo, rủ đi chơi...

	23	-Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm	-Nhận biết 1 số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: kẹt tay, chân vào đồ vật nào đó, ngã đuối nước, động vật cắn, ong đốt, tai nạn liên quan đến giao thông, vật sắc nhọn, các hạt làm ngạt thở, điện giật... -Biết kêu cứu ngay khi gặp trường hợp khẩn cấp hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm
	24	-Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc	-Nhận biết 1 số tác hại thông thường của thuốc lá khi hút hoặc ngửi khói thuốc lá như: ho, khó chịu, khó thở, viêm phổi... -Không đến gần người hút thuốc lá
	25	- Phát triển các cơ nhỏ của bàn tay	- Thông qua hoạt động: Tô màu, vẽ, viết, nặn, xé dán....thực hiện bài tập khéo léo. - Thông qua thao tác rửa tay, lau mặt...
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	26	-Biết nói 1 số thông tin quan trọng về bản thân, gia đình, trường lớp, quê hương Bình Dương và Bắc Hồ.	-Các thông tin về cá nhân như: họ tên, ngày sinh, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân, trách nhiệm của bản thân trong gia đình, trong lớp học -Các thông tin về gia đình: họ tên bố, mẹ, anh chị, địa chỉ, số nhà, số điện thoại của bố, mẹ, của gia đình. -Biết về các thành viên trong gia đình, vị trí của trẻ trong gia đình, hoạt động và thức ăn của gia đình, mối quan hệ họ hàng... - Có nhiều loại nhà khác nhau: Cao tầng,1, 2 tầng, nhà trệt, nhà ngói.... Nhà nơi bé sống, sum họp cùng gia đình... - Chất liệu làm ra nhà: xi măng, gạch,cát...nhà có sân vườn, cây cối, con vật.... -Nghề nghiệp của bố, mẹ và nơi làm việc của các thành viên trong gia đình. sở thích của các thành viên trong gia đình, nhu cầu của gia đình, qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn) -Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của các cô, các bác trong trường. -Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường. - Trẻ biết quê hương Bình Dương là nơi chúng ta sinh ra, ở đó có làng xóm, xã phường...Có nhiều họ hàng ruột thịt, biết các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh ở địa

		<p>- Trẻ biết ngày tết trung thu là ngày tết của thiếu nhi.</p> <p>- Trẻ biết ý nghĩa ngày lễ, ngày tết của thầy cô.</p>	<p>phương.</p> <p>- Trẻ biết Thủ Đô Hà Nội là trung tâm của nước Việt Nam, có nhiều cảnh đẹp, di tích lịch sử, các công trình kiến trúc văn hóa đẹp và ý nghĩa lịch sử của các di tích đó. Biết Bác Hồ là vị lãnh tụ dân tộc. Khi còn sống Bác rất yêu thương các cháu nhỏ và các cháu nhỏ cũng rất kính yêu Bác. Nay Bác không còn nữa, hiện lăng Bác đặt tại quảng trường Ba Đình ở Thủ Đô Hà Nội</p> <p>-Trẻ biể nêu đặc điểm của tết trung thu có bánh trung thu, lồng đèn. Sự tích của chú cuội.</p> <p>-Trẻ biết ý nghĩa ngày lễ 20/10, 20/11, 8/3. Biết yêu thương, quý trọng, thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân.</p>
27	-Biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân	<p>-Biết 1 số ứng xử cần có của bạn gái, bạn trai</p> <p>-Biết lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính</p> <p>-Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể</p>	
28	-Biết gọi tên nhóm cây cối, con vật, đồ vật theo đặc điểm chung.	<p>a/Cây cối, con vật</p> <p>-Đặc điểm, cấu tạo, điều kiện sống, chức năng của các bộ phận</p> <p>ích lợi và tác hại của con vật, giá trị dinh dưỡng của cây, hoa, củ, quả...</p> <p>- Mỗi quan hệ của cây cối, hoa quả, con vật... đối với con người và môi trường sống. Biết cách chăm sóc bảo vệ và đề phòng...</p> <p>-So sánh sự giống và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, rau, củ, quả...</p> <p>-Mối quan hệ giữa cấu tạo với môi trường sống, hình thức vận động và cách kiếm mồi, cách thích nghi của con vật, cây, hoa, rau, củ, quả...</p> <p>-Phân loại cây, hoa, rau, củ, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu</p> <p>b/Đồ dùng đồ chơi</p> <p>-Tên gọi, đặc điểm, chất liệu, cấu tạo và công dụng của đồ dùng đồ chơi, đồ vật.</p> <p>-Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc</p>	

			-Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu
	29	-Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và 1 số hiện tượng tự nhiên	<p>a/Con vật, cây:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật -Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối, con vật với môi trường sống -Cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây cối <p>b/Hiện tượng tự nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa -Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng -Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi -Các nguồn nước trong môi trường sống -Một số đặc điểm, tính chất và thể của nước -Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. Ý thức tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch. -Ích lợi của nước với đời sống con người, các con vật, cây cối
	30	-Nói được 1 số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.	<ul style="list-style-type: none"> -Biết tên gọi các mùa trong năm: mùa xuân, mùa hè, mùa thu và mùa đông -Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa +Mùa xuân: nhiều hoa nở, có nhiều quả ngon, không khí mát mẻ. Biết mùa xuân đón 1 cái tết cổ truyền: Trẻ biết quang cảnh, không khí, hoa quả, dấu hiệu đặc trưng ngày tết, hoạt động ngày tết- Các loại bánh mứt, hoa quả, món ăn. Trang trí nhà cửa. Vui chơi, giải trí, lễ hội ở các địa phương. Phong tục cúng viếng, chúc tết. Giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm trong ngày tết. Giữ gìn sức khỏe trong ngày tết và khi chuyển mùa +Mùa hè: nắng, gió, oi bức, có nhiều hoa phượng nở, có 1 số trái cây đặc trưng vào mùa hè. +Mùa thu: bầu trời trong xanh gió mát, có ngày nắng ngày mưa, mùa bé tựu trường... +Mùa đông: trời se lạnh, trong mùa đông có lễ Noel.
	31	-Biết dự đoán 1 số hiện tượng	-Nhận biết 1 số hiện tượng sắp có mưa như:

		tự nhiên đơn giản sắp xảy ra	mây đen, gió to, trời sầm tối, sầm chớp... Trời nắng: bầu trời trong xanh, mây trắng, có ông mặt trời... -Dự đoán 1 số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra
32		-Biết phân loại 1 số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng	-Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi -So sánh sự giống và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng -Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu
33		-Phương tiện giao thông (đặc điểm...)	-Đặc điểm, công dụng của 1 số phương tiện giao thông, nơi hoạt động của các loại phương tiện giao thông. Biết tác dụng dấu hiệu của một số biển báo, biết một số luật giao thông cơ bản. -Phân loại phương tiện theo 2-3 dấu hiệu.
34		-Kể được 1 số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống	-Tên gọi và đặc điểm nổi bật của 1 số địa điểm công cộng tại địa phương, trường tiểu học... -1 số hoạt động ở các khu công cộng trẻ biết
35		-Kể được 1 số nghề phổ biến nơi trẻ sống	-Tên gọi, công cụ và sản phẩm của 1 số nghề trong xã hội quen thuộc với trẻ. -Ý nghĩa của các nghề quen thuộc, nghề truyền thống ở địa phương
36		-Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10	-Đếm trong phạm vi 10 và để theo khả năng -Ôn, nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 -Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...) -Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10
37		-Biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm	-Tách 1 nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách -Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm -So sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 10

38	-Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo	a/Đo độ dài: -Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau -Đo độ dài các vật bằng 1 đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo b/Đo dung tích: -Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo
39	-Nhận ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu	-Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế -Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu -Tạo ra 1 số hình hình học bằng các cách khác nhau
40	-Xác định được vị trí các hướng trong không gian (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của 1 vật so với 1 vật khác	-Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau, phía trên-phía dưới, phía phải-phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với 1 vật nào đó làm chuẩn.
41	-Biết gọi tên các ngày trong tuần, các buổi trong ngày theo thứ tự	-Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai, buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều buổi tối. -Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự
42	-Biết phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai các sự kiện hàng ngày	-Nhận biết chữ số biểu thị tên gọi của các thứ/ngày trong tuần -Phân biệt được các sự kiện diễn ra trong ngày/tuần
43	-Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ	-Xem lịch biết đọc số biểu thị thứ tự các ngày trên lịch -Xem đồng hồ, nói được giờ trên đồng hồ
44	-Thích đặt câu hỏi	-Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu và làm rõ thông tin về 1 sự vật, sự việc hay người nào đó -Chủ động đặt câu hỏi trong các giờ hoạt động tìm hiểu, khám phá, quan sát...
45	-Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.	-Làm 1 số thí nghiệm -Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu, làm rõ thông tin về 1 sự vật hiện tượng nào đó (nắng, gió, mây, mưa. Mối quan hệ của chúng) -Tác động đối với môi trường xã hội. - Liên quan giữa thời tiết với sức khỏe. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp thời tiết đối với sức khỏe.

			<ul style="list-style-type: none"> - Một số món ăn theo mùa - Quan sát các sự vật, hiện tượng xung quanh
	46	-Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân-kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày	<ul style="list-style-type: none"> -Quan sát và phân tích đơn giản 1 số hiện tượng xảy ra trong sinh hoạt hàng ngày -Biết nguyên nhân dẫn đến kết quả của 1 số sự việc
	47	-Biết loại được 1 đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại	<ul style="list-style-type: none"> -Nhận ra sự khác biệt của 1 đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại -Biết giải thích khi loại bỏ đối tượng đó
	48	-Nhân ra qui tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc	<ul style="list-style-type: none"> -Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu -Nhân ra qui tắc sắp xếp theo mẫu và sao chép lại -Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp
	49	-Biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát	<ul style="list-style-type: none"> -Đặt lời theo giai điệu 1 bài hát, bản nhạc quen thuộc (1 câu hoặc 1 đoạn) -Thay tên mới cho câu chuyện đúng với nội dung, ý nghĩa của câu chuyện -Đặt tên cho đồ vật trẻ thích
	50	-Biết thực hiện 1 số công việc theo cách riêng của mình	<ul style="list-style-type: none"> -Lựa chọn cách thực hiện 1 số công việc theo cách riêng của mình -Có ý tưởng khác với các bạn khi tạo ra sản phẩm nào đó
	51	-Biết kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác	<ul style="list-style-type: none"> -Biết thay tên nhân vật, tên câu chuyện phù hợp với nội dung -Kể chuyện sáng tạo -Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	52	<ul style="list-style-type: none"> -Nhận ra được sắc thái biểu cảm, xúc cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi - Biết biểu lộ các trạng thái, xúc cảm của mình bằng ngôn ngữ, nét mặt, cử chỉ 	<ul style="list-style-type: none"> -Kể chuyện cho trẻ nghe. -Đóng kịch theo nội dung câu chuyện vừa kể. -Xem phim truyện trên màn hình phù hợp với chương trình và độ tuổi trẻ.
	53	-Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2-3 hành động	<ul style="list-style-type: none"> -Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp -Nghe hiểu nội dung của lời nói trong giao tiếp
	54	-Hiểu nghĩa 1 số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi	<ul style="list-style-type: none"> -Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa -Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức
	55	-Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ	<ul style="list-style-type: none"> -Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi -Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi

56	-Nói rõ ràng, phát âm đúng, không nói ngọng, mạnh dạn giao tiếp trong sinh hoạt hàng ngày ở lớp.	-Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. -Đọc những bài đồng dao luyện phát âm. -Trò chuyện, đàm thoại 1 số nội dung trong chương trình giáo dục trẻ.
57	-Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày	-Sử dụng các từ chỉ hành động, tính chất, từ biểu cảm, hình tượng -Các từ chỉ tên gọi của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, các từ chỉ đặc điểm của cây rau, hoa quả, con vật, đồ vật, các phương tiện và qui định giao thông...
58	-Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp	-Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng -Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
59	-Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của bản thân	-Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng lời nói -Biết đặt các câu hỏi để làm rõ thông tin cần tìm hiểu
60	-Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động	-Biết dùng lời nói để giao tiếp, trò chuyện cùng các bạn -Biết bày tỏ, chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân bằng lời nói để các bạn trong nhóm chơi hiểu và cùng thống nhất tham gia vào hoạt động
61	-Kể về 1 sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được	-Biết dùng lời nói để diễn tả, miêu tả lại 1 sự việc hay hiện tượng nào đó mà trẻ biết hoặc chứng kiến -Biết kể theo trình tự, lô gích, tốc độ vừa phải để người khác hiểu
62	-Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định	-Nghe 1 số câu chuyện trong chủ đề -Kể lại chuyện theo trình tự, đầy đủ về nhân vật, lời nói hành động
63	-Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện	-Chủ động trò chuyện, thảo luận trong nhóm chơi hoặc trong các cuộc giao tiếp với người lớn -Đặt các câu hỏi thảo luận để duy trì và phát triển cuộc trò chuyện
64	-Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp	-Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với nhu cầu giao tiếp -Các hành vi, thái độ tôn trọng người khác trong giao tiếp
65	-Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét	-Chú ý lắng nghe và hiểu nội dung trong câu nói của người khác

	mặt, ánh mắt phù hợp	-Biết đáp lại bằng thái độ đã hiểu lời nói của người khác bằng cử chỉ, nét mặt và ánh mắt
66	-Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện	-Thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt -Giáo dục phép lịch sự, biết tôn trọng người khác trong giao tiếp, không nói leo, ngắt lời khi người khác đang nói
67	-Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói	-Biết dùng cử chỉ, nét mặt, điệu bộ để thể hiện mình chưa hiểu lời người khác nói -Biết đặt câu hỏi phù hợp để hỏi lại khi chưa hiểu lời người khác nói
68	-Sử dụng 1 số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống	-Biết sử dụng 1 số từ biểu thị sự lễ phép, các từ biểu cảm, hình tượng -Biết chào hỏi, tạm biệt, các câu chúc sức khỏe ông bà...biết nói cảm ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh, tình huống trong giao tiếp
69	-Không nói tục, chửi bậy	-Biết nói tục chửi bậy là không tốt, không ngoan -Có thái độ không đồng tình như: nhắc bạn không được chửi bậy, nói tục – xấu lắm hoặc thưa cô khi có bạn chửi bậy...
70	-Thích đọc được những chữ đã biết trong môi trường xung quanh	-Nhận dạng các chữ cái đã học -Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
71	-Thể hiện sự thích thú với sách, biết phối hợp cùng cô và bạn tạo ra sách truyện tranh đơn giản	-Thích chơi với sách, xem và đọc sách ở mọi lúc mọi nơi 1 mình -Chú ý nghe đọc sách, tìm hiểu nội dung tranh vẽ trong sách (nhờ người lớn giải thích nội dung tranh, những chữ chưa biết...)
72	-Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách	-Xem, nghe đọc và tự “đọc” sách -Có 1 số hành vi giữ gìn, bảo vệ sách (giở sách từng trang, không quăng quật, vẽ bậy, xé, làm nhàu nát, xem sách xong biết cất sách vào nơi qui định
73	-Biết ý nghĩa 1 số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống	-Làm quen với 1 số kí hiệu thông thường trong cuộc sống hàng ngày (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...)
74	-Có 1 số hành vi như người đọc sách	-Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau -Làm quen với cách đọc sách từ dòng trên xuống dòng dưới, từ trái sang phải, đọc ngắt nghỉ sau các dấu -Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách
75	-“Đọc” theo truyện tranh đã biết	-Xem và đọc các loại sách khác nhau -Đọc truyện qua tranh vẽ
76	-Biết kể truyện theo tranh	-Biết dựa theo tranh để kể lại thành 1 câu

			chuyện -Sắp xếp tranh theo trình tự nội dung. Kể 1 câu chuyện có mở đầu kết thúc
	77	-Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói	-Biết chữ viết có thể đọc được, có thể dùng chữ viết để thay cho lời nói -Biết làm bưu thiếp, thư chúc mừng người thân bằng chữ viết
	78	-Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái	-Làm quen với cách viết tiếng việt, hướng viết các nét chữ -Sao chép 1 số kí hiệu, chữ cái, tên của mình
	79	-Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình	-Khả năng viết, sao chép tên của mình -Biết viết tên của mình theo ý thích như: viết thường, viết hoa, đầy đủ tên hoặc chỉ viết chữ cái đầu, hoặc trang trí tên của mình...
	80	-Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới	-Hướng viết của các nét chữ -Tô các chữ cái đã học -Thực hiện vở bé tập tô
	81	-Nhận dạng và phát âm được chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt và chữ số từ 0 -> 10.	-Làm quen với các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt, Tô, đồ các nét chữ cái đã học -Nhận dạng và phát âm đúng 1 số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. Phân biệt chữ cái và chữ số. -Cháu sử dụng đúng thuật ngữ toán học.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	82	-Vẽ, tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ	-Cách cầm bút, tư thế ngồi -Tô màu trên hình rồng đã vẽ sẵn -Vẽ và tô màu theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích
	83	-Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản	-Cắt theo đường thẳng, đường cong -Cắt rời các hình trên tạp chí, họa báo, trên hình vẽ sẵn theo yêu cầu, theo ý thích của trẻ
	84	-Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn	-Dán hình theo ý thích -Dán hình vào vị trí qui định. Không bị nhăn -Dán hình trang trí bức tranh
	85	-Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc	-Khoe với người khác về công việc mình đã hoàn thành -Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc và mong muốn người khác khen ngợi
	86	-Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.	-Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp trong cuộc sống hàng ngày của trẻ, đồ dùng, đồ chơi, công trình xây dựng... -Cảm nhận nét đẹp của mình, của bạn theo giới tính, đặc điểm, hình dáng, cảm nhận vẻ đẹp của sự tươi tắn gọn gàng sạch sẽ của bản thân, nhà cửa, trường lớp, môi trường, nơi công cộng.

		<ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận được nét đáng yêu, vẽ đẹp tự nhiên của quê hương, đất nước, của các con vật, cây cối, sự cao quý của mỗi nghề, thành quả và ích lợi của lao động. ... - Cháu biết tôn trọng yêu quý, thể hiện cái đẹp qua bài thơ, câu chuyện, qua sản phẩm tạo hình, qua cuộc sống hàng ngày, thể hiện nếp sống văn minh trên đường phố, tôn trọng luật giao thông... - Nhận ra cái đẹp trong nghệ thuật như: tạo hình, âm nhạc...
87	-Biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân	<ul style="list-style-type: none"> -Dùng các biểu tượng, hình mẫu, kí tự khác nhau để thể hiện cảm xúc, nhu cầu của mình -Vẽ những kí hiệu theo ý thích -Nói ý tưởng và đặt tên sản phẩm tạo hình của mình
88	-Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc	<ul style="list-style-type: none"> -Hát, vận động, nghe các thể loại nhạc, nhạc cụ khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) -Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm, tha thiết) của 1 số bài hát, bản nhạc phù hợp lứa tuổi
89	-Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> -Hát vận động các bài hát phù hợp lứa tuổi và các chủ đề trong năm -Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát
90	-Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc	<ul style="list-style-type: none"> -Hát và vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc -Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp)
91	-Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm 1 sản phẩm đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> -Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm -Phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, cắt dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục
92	-Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình	<ul style="list-style-type: none"> -Vẽ, xé dán, nặn 1 số sản phẩm tạo hình theo đề tài, theo ý thích -Nói lên ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình

	93	-Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau	-Vận động minh họa sáng tạo 1 số bài hát -Đặt lời theo giai điệu 1 bài hát, bản nhạc quen thuộc (1 câu hoặc 1 đoạn) -Tạo âm thanh nhạc cụ, tiếng gió, tiếng suối chảy...
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI	94	-Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp	-Thói quen tốt trong giao tiếp với mọi người, trong ăn uống hoặc những nơi công cộng -Một số thói quen hành vi văn minh
	95	-Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch đẹp Biết giữ gìn vệ sinh các bộ phận cơ thể, giữ gìn sức khỏe bản thân.	-Thói quen tự phục vụ để giữ gìn vệ sinh cá nhân, biết cách chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho bản thân. (mặc áo ấm vào mùa đông, uống nhiều nước vào mùa hè, ra ngoài nắng phải đội nón, ăn chín uống sôi...) -Giữ đầu tóc quần áo sạch sẽ gọn gàng.
	96	-Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân	-Sở thích, khả năng của bản thân -Chủ động và độc lập trong 1 số hoạt động
	97	-Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân	-Mạnh dạn bày tỏ ý kiến sở thích của bản thân -Đề xuất trò chơi và hoạt động -Biết thuyết phục bạn về đề xuất của mình
	98	-Cố gắng thực hiện công việc đến cùng	-Tự tin khi thực hiện công việc được giao -Biết trách nhiệm bản thân trong lớp học -Hoàn thành công việc được giao
	99	-Chủ động làm 1 số công việc đơn giản hàng ngày	-Tự giác thực hiện công việc mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người khác như: tự cất đồ chơi sau khi chơi, tự giác đi rửa tay
	100	-Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân	-Nói được điều trẻ thích, không thích, làm được, không làm được -Tự tin khi tham gia thảo luận cùng cô và các bạn
	101	-Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác.	-Nhận biết và nói được các trạng thái cảm xúc của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, phim hình...

102	<p>-Bộc lộ tình cảm,cảm xúc của bản thân bằng lời nói, hành động, cử chỉ và nét mặt.</p>	<p>-Nhận biết và thể hiện xúc cảm , tình cảm của bản thân (vui, buồn, kính trọng, biết ơn, yêu quý, sợ hãi, tức giận..) với ông bà, bố mẹ, anh chị em, bạn bè, cô giáo, các chú bộ đội, công an, người lao động,</p> <p>-Tình cảm yêu thương và kính yêu Bác Hồ</p> <p>-Thể hiện tình cảm với các con vật.</p> <p>- Thể hiện tình cảm với cây cối, hoa quả....</p> <p>- Thể hiện tình cảm với các ngành nghề.</p> <p>-Thể hiện tình cảm với thiên nhiên.</p> <p>- Trân trọng ,giữ gìn phong tục truyền thống dân tộc.</p> <p>-Cảnh đẹp của quê em.</p> <p>- Kính trọng và biết ơn Bác Hồ.</p>
103	<p>-Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.</p> <p>- Trẻ cảm nhận được nhu cầu tình cảm gắn bó của người thân trong gia đình và không khí vui vẻ của ngày tết.</p>	<p>-Nhận biết tâm trạng của người thân, bạn bè</p> <p>-Biết quan tâm chia sẻ, an ủi bạn bè, người thân, nhường nhịn em nhỏ bằng cử chỉ lời nói phù hợp với tâm trạng (vui, buồn) của họ.Biết gia đình ít con ba mẹ đỡ vất vả.Có ý thức chăm sóc gia đình, giữ gìn nhà cửa, đồ dùng gia đình sạch sẽ.Tích cực tham gia vào hoạt động đón tết ở lớp, phụ giúp ba mẹ.</p>
104	<p>-Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc.</p>	<p>-Nhận biết cây cối, con vật cần được chăm sóc và bảo vệ để lớn lên và phát triển, bảo vệ động thực vật quý hiếm, tiêu diệt côn trùng động thực vật có hại.</p> <p>-Biết thể hiện tình cảm với các con vật: cho con vật quen thuộc ăn, vuốt ve, âu yếm... không nghịch phá con vật</p> <p>-Thể hiện tình cảm với thiên nhiên, thích được tham gia chăm sóc cây cối như: nhặt lá úa, nhổ cỏ, lau lá cây...</p>
105	<p>-Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.</p>	<p>-Biết điều chỉnh hành vi của bản thân phù hợp với tình huống, hoàn cảnh</p> <p>-Biết thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với tình huống, phù hợp hoàn cảnh</p>
106	<p>-Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích</p>	<p>-Biết trấn tĩnh, hạn chế cảm xúc tiêu cực như: la hét, gào khóc, ném đồ chơi...khi được người khác an ủi, chia sẻ và giải thích</p> <p>-Biết sử dụng lời nói để diễn tả cảm xúc của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân</p> <p>-Biết an ủi và chung vui với người thân và gia đình</p>

107	-Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi	-Biết tạo sự thân thiện trong quá trình tham gia chơi tập thể -Nhanh chóng nhập cuộc để cùng chơi với các bạn -Biết chia sẻ, giúp đỡ, phối hợp với bạn trong quá trình chơi
108	-Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi	-Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp -Chủ động bắt chuyện và trả lời các câu hỏi trong giao tiếp
109	-Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi	-Chơi thân thiện với bạn, chia sẻ với bạn những cảm xúc vui buồn của bản thân -Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, hướng dẫn và chia sẻ đồ dùng với bạn trong hoạt động cùng nhóm
110	-Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn	-Biết chủ động giúp đỡ khi thấy bạn, người khác gặp khó khăn -Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn
111	-Có nhóm bạn chơi thường xuyên	-Thích chơi cùng với các bạn, cử chỉ thân mật, tôn trọng và hợp tác -Quan tâm, chia sẻ và nhường nhịn bạn khi chơi
112	-Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động	-Có ý thức chờ đợi đến lượt, không chen lấn xô đẩy bạn -Rèn luyện tính kiên trì. Tuân thủ theo nội qui qui định của lớp học -Nề nếp thói quen trong học tập, sinh hoạt
113	-Lắng nghe ý kiến của người khác	-Biết chú ý lắng nghe khi người khác nói, kể chuyện -Mạnh dạn tự tin chia sẻ suy nghĩ, chờ đến lượt trao đổi, bổ sung ý kiến với bạn khi giao tiếp -Chấp nhận sự khác nhau giữa các ý kiến và cùng nhau thống nhất để cùng thực hiện
114	-Trao đổi ý kiến của mình với các bạn	-Trẻ tự tin cởi mở và thân thiện với các bạn -Vui vẻ trình bày ý kiến và cùng thảo luận với các bạn trong các hoạt động, trong nhóm chơi
115	-Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè	-Chơi với bạn vui vẻ, không đánh bạn, biết giúp đỡ bạn -Có cách ứng xử, giải quyết vấn đề khi trong nhóm chơi gặp mâu thuẫn

116	-Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn	-Vui vẻ, chấp nhận và hợp tác -Thái độ chấp hành nhiệm vụ một cách vui vẻ và sẵn sàng
117	-Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác	-Chủ động, độc lập trong 1 số hoạt động -Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi)
118	-Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác	-Trẻ biết chấp hành 1 số qui tắc, qui định ở lớp, gia đình, nơi công cộng -Cách giao tiếp ứng xử có văn hóa với mọi người -Biết giải thích được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ ảnh hưởng gì đến lớp, bạn và mọi người...
119	-Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn	-Rèn luyện thói quen, hành vi, cử chỉ lễ phép, lịch sự -Thói quen xưng hô thân mật với bạn, lễ phép với người lớn
120	-Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết	-Mạnh dạn nhờ sự giúp đỡ của cô và các bạn khi cần thiết -Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến
121	-Nhận xét được 1 số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường	-Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu” -Nhận ra 3-5 hành vi đúng sai của con người đối với môi trường như: vứt rác bừa bãi, bẻ cây... -Tiết kiệm điện nước trong gia đình và lớp học
122	-Có hành vi bảo vệ môi trường và nếp sống văn minh trong sinh hoạt hàng ngày.	-Thói quen bỏ rác vào thùng, cất dọn đồ dùng đồ chơi ngăn nắp, tham gia quét dọn vệ sinh trường, lớp, gia đình và có ý thức giữ gìn vệ sinh nơi công cộng... -Tiết kiệm điện nước. Biết ích lợi của nước, có ý thức tiết kiệm, bảo vệ nguồn nước sạch, yêu thiên nhiên. - Tôn trọng và tuân thủ đúng luật lệ giao thông. -Chăm sóc cây xanh trong lớp

	123	-Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	-Nhận biết khả năng, sở thích của người thân, bạn bè -Nói được sở thích và khả năng của người thân
	124	-Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình	-Điểm giống và khác nhau giữa bé và các bạn (về giới tính, vóc dáng, màu da, gia đình giàu có, gia đình nghèo...) -Sở thích, khả năng, năng khiếu của bản thân -Vị trí và trách nhiệm của bé trong gia đình -Vị trí và trách nhiệm của bé ở lớp, ở trường
	125	-Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn	-Biết tôn trọng mọi người, có ý thức chấp nhận sự công bằng trong nhóm bạn -Mạnh dạn nhận xét và có ý kiến về sự công bằng giữa các bạn

<u>NHÓM 1 (25 – 36 THÁNG): THỰC HIỆN 11 CHỦ ĐỀ. (35 TUẦN)</u>			
HỌC KÌ I: TỪ NGÀY 03/09/2024 - 03/01/2025 (18 tuần)			
CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN	
BÉ YÊU CÔ – YÊU BẠN (4 tuần) Từ: 09/09 => 04/10/2024	Lớp học thân yêu của bé	09/09 => 13/09/2024	- Lễ hội Trung Thu
	Bé vui hội trăng rằm	16/09 => 20/09/2024	
	Bé và các bạn	23/09 => 27/09/2024	
	Đồ chơi trong lớp của bé	30/09 => 04/10/2024	
GIA ĐÌNH THÂN YÊU CỦA BÉ (4 tuần) Từ: 07/10 => 01/11/2024	Ngôi nhà của bé	07/10 => 11/10//2024	
	Ba mẹ và những người thân yêu	14/10 => 18/10//2024	
	Đồ dung của bé	21/10 => 25/10//2024	
	Đồ dùng trong gia đình bé	28/10 => 01/11/2024	
LOÀI HOA BÉ YÊU (4 tuần) Từ: 04/11 => 29/11//2025 -	Hoa cánh tròn	04/11 => 08/11/2024	Mừng tết thầy cô 20/11
	Hoa cánh dài	11/11 => 15/11/2024	
	Loài hoa bé yêu	18/11 => 22/11/2024	
	Vui tết thầy cô giáo	25/11 => 29/11/2024	
QUẢ, RAU, CỦ NHÀ BÉ (5 tuần) Từ: 02/12 => 03/01//2025	Một số Loại quả dài	02/12 => 06/12//2024	Ngày TL Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 Noel
	Một số Loại quả tròn	09/12 => 13/12//2024	
	Các loại rau ăn lá	16/12 => 20/12//2024	
	Bé vui Noel	23/12 => 27/12/2024	
	Các loại rau ăn củ	30/12/2024 => 03/01/2025	
MÙA XUÂN CỦA XUÂN (3 tuần) Từ: 06/01=> 24/01/2025	Các loại hoa ngày tết	06/01=> 10/01//2025	
	HỌC KÌ II: TỪ NGÀY 13/01/2025 - 23/05/2025 (17 tuần)		
	Bé chuẩn bị đón tết	13/1 => 17/01//2025	
	Bé vui xuân	20/01 => 24/01/2025	
Nghỉ tết nguyên đán từ 25/01/2025 (25 ÂL) đến ngày 02/02/2025 (5/1 ÂL)			

BÉ VỚI GIAO THÔNG (4 tuần) Từ: 10/02 => 07/03/2025	Phương tiện giao thông đường bộ	10/02 => 14/02/2025	
	Phương tiện giao thông đường thủy	17/02 => 21/02/2025	
	Phương tiện giao thông đường sắt	24/02 => 28/02/2025	
	Phương tiện giao thông đường không	03/03 => 07/03/2025	
NHỮNG CON ĐÁNG YÊU (2 tuần) Từ: 10/03 => 21/03/2025	Con vật nuôi có 2 chân	10/03 => 14/03/2025	Mừng tết của bà và mẹ 8/3
	Con vật nuôi có 4 chân	17/03 => 21/03/2025	
NHỮNG CON VẬT SỐNG TRONG RỪNG (3 tuần) Từ: 24/03 => 11/04/2025	Gấu, Khỉ	24/03 => 28/03/2025	
	Voi, Hươu cao cổ	31/03 => 04/04/2025	
	Sur tử, Hổ	07/04 => 11/04/2025	
MỘT SỐ LOÀI CHIM & CÔN TRÙNG (2 TUẦN) Từ: 14/04 => 25/04/2025	Một số loài chim	14/04 => 18/04/2025	
	Một số côn trùng mà bé biết	21/04 => 25/04/2025	
NHỮNG CON VẬT SỐNG DƯỚI NƯỚC (2 tuần) Từ: 28/04 => 09/05/2025	Một số loài cá	28/04 => 02/05/2025	Mừng ngày giải phóng miền Nam 30/04 và QTLĐ 01/05
	Các loài tôm, cua, ốc	05/05 => 09/05/2025	
MÙA HÈ CỦA BÉ (2 tuần) Từ: 12/05 => 23/05/2025	Mùa hè đến rồi	12/05 => 16/05/2025	
	Bé đi mẫu giáo	19/05 => 23/05/2025	

KHỐI MÀM: THỰC HIỆN 12 CHỦ ĐỀ (35 Tuần)			
HỌC KÌ I: TỪ NGÀY 09/09/2024 - 10/01/2025 (18 tuần)			
CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN	GHI CHÚ
LỚP MÀM NON THÂN YÊU CỦA BÉ (4 tuần) Từ: 09/09 => 04/10/2024	Lớp học thân yêu của bé	09/09 => 13/09/2024	Bé vui Trung Thu
	Bé vui hội trăng rằm	16/09 => 20/09/2024	
	Đồ dùng, đồ chơi của bé	23/09 => 27/09/2024	
	Công việc của cô giáo mầm non	30/09 => 04/10/2024	
CƠ THỂ CỦA BÉ (3 tuần) Từ: 07/10 => 25/10/2024	Bé là ai	07/10 => 11/10/2024	Mừng Lễ 20/10
	Cơ thể kỳ diệu của bé	14/10 => 18/10/2024	
	Cơ thể Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	21/10 => 25/10/2024	
PHƯƠNG TIỆN & BIỂN BÁO GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ (2 tuần) Từ: 28/10 => 08/11/2024	Một số phương tiện giao thông đường bộ	28/10 => 01/11/2024	
	Một số biển báo giao thông đường bộ đơn giản	04/11 => 08/11/2024	
GIA ĐÌNH THÂN YÊU CỦA BÉ (4 tuần) Từ: 11/11=> 08/12/2024	Ngôi nhà thân yêu của bé	11/11 => 15/11/2024	Mừng tết thầy cô 20/11
	Mừng tết thầy cô giáo 20/11	18/11 => 22/11/2024	
	Nhu cầu của gia đình	25/11 => 29/11/2024	
	Một số Đồ dùng trong gia đình	02/12 => 06/12/2024	
THỰC VẬT XUNG QUANH BÉ (5 tuần) Từ: 09/12 => 10/01/2025	Cây và môi trường sống	09/12 => 13/12/2024	Ngày TL Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12
	Loài hoa bé yêu	16/12 => 20/12/2024	
	Bé vui Noel	23/12 => 27/12/2024	
	Vườn quả nhà bé	30/12/2024 => 03/01/2025	

	Một số loại rau	06/01 => 10/01/2025	Noel
HỌC KÌ II (13/1- 23/5/2025)			
BÉ VỚI MÙA XUÂN (2 tuần) Từ: 13/01 => 24/01/2025	Cảnh vật mùa xuân	13/01 => 17/01/2025	
	Tết cổ truyền	20/01 => 24/01/2025	
Nghỉ Tết Nguyên đán từ 25/01/2025 (25 Âm lịch) đến 02/02/2025)			
NƯỚC - CÁC HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (2 tuần) Từ: 10/02 => 21/02/2025	Nước và môi trường	03/02 => 08/20/2025	
	Các hiện tượng thiên nhiên	10/02 => 14/02/2025	
NHỮNG CON VẬT XUNG QUANH BÉ (4 tuần) Từ: 24/02=> 21/03/2025	Một số con vật nuôi trong nhà	17/02 => 21/02/2025	Mừng tết của bà và mẹ 8/3
	Một số con vật sống trong rừng	24/02=> 28/02/2025	
	Một số loài côn trùng	03/03 =>07/03/2025	
	Một số loài cá	10/03 => 14/03/2025	
NGÀNH NGHỀ PHỔ BIẾN CỦA ĐỊA PHƯƠNG BÉ (3 tuần) Từ: 17/03 => 04/04/2025	Bé yêu chú bộ đội	17/03 => 21/03/2025	
	Bác sĩ, y tá	24/03 => 28/03/2025	
	Một số nghề truyền thống của địa phương bé	31/34 => 04/04/2025	
QUÊ HƯƠNG CỦA BÉ (2 tuần) Từ: 07/04 => 18/05/2025	Thủ Dầu Một quê em	07/04 => 11/04/2025	Ngày giải phóng miền Nam 30/04 và QTLĐ 01/05
	Khu phố Hiệp Thành của bé	14/04 => 18/04/2025	
BÁC HỒ KÍNH YÊU CỦA EM (2 tuần) Từ: 21/04 => 09/05/2025	Bác Hồ kính yêu	21/04 => 25/04/2025	28/04 => 02/05/2025 (Nghỉ 02 ngày 30/4 và 01/5)
	Mừng sinh nhật Bác	05/05 => 09/05/2025	

MÙA HÈ VUI NHỌN (2 tuần) Từ: 12/05 => 23/05/2025	Bé yêu mùa hè	12/05 => 16/05/2025	
	Trang phục mùa hè	19/05 => 23/05/2025	

KHOÍ CHƠI: THỰC HIỆN 13 CHỦ ĐỀ (35 TUẦN)			
HỌC KÌ I: TỪ NGÀY 09/09/2024 - 10/01/2025 (18 tuần)			
CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN	GHI CHÚ
BÉ VỚI TRƯỜNG, LỚP MẦM NON VÀ TRUNG THU TRƯỜNG EM (4 tuần)	Lớp học thân yêu của bé.	09/09 => 13/9/2024	- Lễ hội Trung Thu
	Bé vui trung thu	16/9 => 20/9/2024	
	Đồ dùng đồ chơi trong lớp bé	23/9 => 27/9/2024	
	Công việc của người lớn trong trường mầm non	30/9 => 04/10/2024	
BẢN THÂN CỦA BÉ (3 tuần)	Tôi là ai?	07/10 => 11/10/2024	- Mừng Lễ 20/10
	Bé với các giác quan	14/10=> 18/10/2024	
	Nhu cầu dinh dưỡng cho bé	21/10 => 25/10/2024	
GIA ĐÌNH THÂN YÊU CỦA BÉ (3 tuần)	Gia đình nhỏ của bé	28/10 => 01/11/2024	
	Ngôi nhà của bé	04/11 => 08/11/2024	
	Đồ dùng trong gia đình bé	11/11 => 15/11/2024	
NHỚ ƠN THẦY CÔ (2 tuần)	Mừng tết thầy cô 20/11	18/11 => 22/11/2024	Nhớ ơn cô giáo 20/11
	Bé tập làm cô giáo	25/11 => 29/11/2024	
CÁC NGÀNH NGHỀ QUEN THUỘC CỦA BÉ (4 tuần)	Nghề truyền thống của địa phương	02/12 => 06/12/2024	Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam
	Bác sĩ, y tá	09/12 => 13/12/2024	
	Bé yêu chú bộ đội	16/12 => 20/12/2024	
	Ngành nghề của bố mẹ	23/12 => 27/12/2024	

			22/12
			Ngày Noel
NƯỚC - CÁC HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (2 tuần)	Nước và môi trường sống	30/12=>03/01/2025	
	Các hiện tượng thiên nhiên	06/01=>10/01/2025	
HỌC KÌ II: TỪ NGÀY 13/01/2025 - 23/05/2025 (17 tuần)			
MÙA XUÂN VÀ NGÀY TẾT CỦA BÉ (2 tuần)	Cảnh vật mùa xuân	13/01 => 17/01/2025	
	Bé vui xuân đón tết	20/01=> 24/01/2025	
Nghỉ tết nguyên đán từ 25/01/2025 (25 ÂL) đến ngày 02/02/2025 (5/1 ÂL)			
AN TOÀN GIAO THÔNG (2tuần)	Một số phương tiện giao thông	03/02=> 08/02/2025	
	Một số biển báo giao thông	10/2 => 14/02/2025	
THẾ GIỚI THỰC VẬT QUANH BÉ (3 tuần)	Bé thích hoa nào?	17/02 => 21/02/2025	- Mừng tết của bà và mẹ 8/3
	Một số quả bé thích	24/02 => 28/02/2025	
	Một số loại rau củ quả	03/03 => 07/03/2025	
NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU (4 tuần)	Một số con vật sống trong nhà	10/03 => 14/03/2025	
	Một số con vật sống trong rừng	17/03 => 21/03/2025	
	Một số loài cá	24/03 => 28/03/2025	
	Một số loại côn trùng	31/03 => 04/04/2025	
QUÊ HƯƠNG EM BÌNH DƯƠNG (2 tuần)	Thủ Dầu Một quê em	07/04 => 11/04/2025	
	Khu phố của bé	14/04 => 18/04/2025	
BÁC HỒ CỦA EM (2 tuần)	Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	21/04 => 25/04/2025	ngày giải phóng miền Nam 30/04 và QTLĐ 01/05

	28/4=>02/5/2024 (nghỉ 02 ngày 30/4 và 01/5)		
	Mừng sinh nhật Bác	05/05 => 09/05/2025	
MÙA HÈ CỦA BÉ (2 tuần)	Cảnh vật mùa hè quê em	12/05 => 16/05/2025	
	Trang phục mùa hè của bé	19/05 => 23/05/2025	

KHỐI LÁ: Thực hiện 13 chủ đề (35 tuần)			
CHỦ ĐỀ LỚN	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN	Ghi chú
HỌC KÌ I: TỪ NGÀY 09/09/2024-10/01/2025 (18 tuần)			
Trường MN - Tết trung thu (4 tuần) TỪ: 09/9- 04/10/2024	Lớp học thân yêu của bé	09/09 => 13/09/2024	NgàyTết trung thu
	Bé vui đón tết trung thu	16/09 => 20/09/2024	
	Đồ dùng đồ chơi lớp học của bé	23/09 => 27/09/2024	
	Công việc của người lớn trong trường mầm non	30/09 => 04/10/2024	
Bản thân của bé (3 tuần) TỪ: 07/10- 25/10/2024	Bé là ai	07/10 => 11/10/2024	- Mừng Lễ 20/10
	Năm giác quan của bé	14/10 => 18/10/2024	
	Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh?	21/10 => 25/10/2024	
Gia đình thân yêu của bé (3 tuần) TỪ: 28/10- 15/10/2024	Người thân gia đình bé.	28/10 => 01/11/2024	
	Ngôi nhà thân yêu	04/11 => 08/11/2024	
	Đồ dùng gia đình nhà bé	11/11 => 15/11/2024	
Mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 (2 tuần) TỪ: 18/10- 29/11/2024	Nhớ ơn cô giáo 20/11	18/11 => 22/11/2024	
	Công việc của cô giáo	25/11 => 29/11/2024	
Một số ngành nghề quen thuộc địa phương bé (4 tuần) TỪ: 02/12- 27/12/2024	Nghề truyền thống ở địa phương Thủ Dầu	02/12 => 06/12/2024	Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12
	Nghề của bố mẹ	09/12 => 13/12/2024	
	Các dụng cụ nghề quen thuộc	16/12 => 20/12/2024	

	Nghề bảo vệ Tổ Quốc an ninh trật tự	23/12 => 27/12/2024	Ngày Noel
Thiên nhiên bí ẩn (2 tuần) TỪ: 30/1-10/01/2024	Các hiện tượng thiên nhiên	30/1/2025=>03/01/2025	
	Các mùa trong năm	06/01 => 10/01/2025	
HỌC KÌ II: TỪ NGÀY 13/01/2025-23/05/2025 (17 tuần)			
Ngày tết quê em (2 tuần) TỪ: 13/1-24/01/2025	Trang trí ngày tết	13/01 => 17/01/2025	
	Tết quê em có gì?	20/01 => 24/01/2025	
NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN TỪ 25/01/2025 (25 ÂM LỊCH) ĐẾN 02/02/2025			
Gieo hạt trồng cây (3 tuần) TỪ: 03/02-21/02/2025	Cây xanh và môi trường sống	03/02 => 07/02/2025	
	Hoa và cây cảnh	10/02 => 14/02/2025	
	Một số loại rau củ quả	17/02 => 21/02/2025	
Tôi yêu Việt Nam (2 tuần) TỪ: 24/03-07/03/2025	Một số phương tiện giao thông	24/03 => 28/03/2025	- Mừng tết của bà và mẹ 8/3
	Biển báo giao thông	03/03 => 07/03/2025	
Động vật quanh ta (4 tuần) TỪ: 10/03-04/04/2025	Một số con vật nuôi trong gia đình (Nhóm gia cầm, gia súc)	10/03 => 14/03/2025	
	Một số con vật sống trong rừng	17/03 => 21/03/2025	
	Bí ẩn Đại Dương	24/03 => 28/03/2025	
	Một số loại côn trùng	31/03 => 04/04/2025	
Quê Hương Bình Dương của bé (2 tuần) TỪ: 07/04-18/4/2025	Bé yêu Thủ Dầu Một	07/04 => 11/04/2025	
	Nơi ở khu phố của bé.	14/04 => 18/04/2025	
Bác Hồ kính yêu (2 tuần) TỪ: 21/04-25/5/2025	Nhớ ơn Bác Hồ	21/04 => 25/05/2025	
	- Giải phóng miền Nam 30/04 và QTLĐ 01/05 28/4/2025 - 02/5/2025 (Nghỉ 02 ngày 30/4 và 01/5/2015)		
	Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	05/5 => 09/5/2025	

Trường tiểu học (2 tuần) TỪ: 12/05- 23/5/2025	Trường tiểu học của bé	12/05 => 16/05/2025	
	Bé chuẩn bị để đi học lớp một	19/05 => 23/05/2025	

PHẦN IV/ CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

1. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT NHÀ TRẺ:

THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
6 g 30 – 7g00	ĐÓN TRẺ				
7g00 – 7g 10	THỂ DỤC SÁNG				
7g10 -8g 00	ĐIỂM DANH – ĂN SÁNG				
8g00- 8g10	VỆ SINH – CHUẨN BỊ HOẠT ĐỘNG CÓ CHỦ ĐỊNH				
8h10 - 8h40	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
8g40 – 9g00	HOẠT ĐỘNG Tạo hình (Nhận biết Phân Biệt)	HOẠT ĐỘNG Giáo dục Âm nhạc	HOẠT ĐỘNG Nhận biết tập nói	HOẠT ĐỘNG Vận động	HOẠT ĐỘNG Chuyện Thơ
9g00- 9g10	VỆ SINH				
9g10 -10g 00	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
10g00 -11g40	VỆ SINH – ĂN TRƯA				
11g40 -14g00	VỆ SINH - NGỦ TRƯA				
14g 00 -14g 30	CHƠI VẬN ĐỘNG NHẸ- ĂN XÉ				
14g30 -15g00	VỆ SINH CHO TRẺ				
15g00-16g00	ĂN CHIỀU- VỆ SINH				
16g00-16g20	HOẠT ĐỘNG CHIỀU – CHƠI TỰ DO				

	Ôn lại nội dung câu chuyện, bài thơ, bài hát đã học	Ôn trò chơi cũ, làm quen trò chơi mới	Ôn bài hát, nghe hát	Nghe nhạc, xem tivi	Ôn các bài thơ, bài hát trong tuần
	TRÁ TRỀ				

2.CHẾ ĐỘ SINH HOẠT KHỎI MÀM

THỜI GIAN	NỘI DUNG				
6g 30 -7g00	VỆ SINH LỚP - ĐÓN TRẺ				
7g00 -7g15	THỂ DỤC SÁNG - ĐIỂM DANH				
7g15 -8g00	ĂN SÁNG				
8g 00 -8g40	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI - VỆ SINH				
HOẠT ĐỘNG CHUNG					
8g 40 -9g10	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
	Hoạt Động Thể Dục Giờ Học	Hoạt Động Khám Phá Khoa Học -Hoạt Động Tạo Hình	Hoạt Động Làm Quen Văn Học (PTNN)	Hoạt Động Làm Quen Với Toán	Hoạt Động Giáo Dục Âm Nhạc
9g 10 - 9 g50	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
9g50 -10g10	VỆ SINH – CHUẨN BỊ ĂN TRƯA				
10g 10 -11g10	ĂN TRƯA				
11g10 –11g 20	VỆ SINH SAU KHI ĂN				
11g20 -14 g00	NGỦ TRƯA				
HOẠT ĐỘNG CHIỀU					
14g00 -14g15	VỆ SINH – ăn nhẹ				
14g15-15g00	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6

	Hướng dẫn Thao tác Vệ sinh <i>*Học AV</i>	Hướng dẫn trò chơi mới <i>*Học ND</i>	Tạo hình Ngoài tiết học (<i>cuối Chủ Đề</i>)	<i>* Làm quen Sách chữ cái</i>	- Lao động tập thể - Sinh hoạt tập thể <i>*Học MT</i>
15g 00 – 16g00	VỆ SINH – ĂN CHIỀU				
16g 00 - 16g20	VỆ SINH - NÊU GƯƠNG -TRẢ TRỄ				

3. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT LỚP CHƠI:

THỜI GIAN	NỘI DUNG				
6g 30 -7g00	VỆ SINH LỚP - ĐÓN TRỄ				
7g00 -7g15	THỂ DỤC SÁNG - ĐIỂM DANH				
7g15 -7g50	ĂN SÁNG				
7g 50 -8g40	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI - VỆ SINH				
HOẠT ĐỘNG HỌC					
8g 40 -9g30	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
	-Hoạt Động Khám Phá	Hoạt Động Thể Dục Giờ Học Hoạt Động Tạo Hình	- Hoạt Động Làm Quen Với Toán	Hoạt Động Giáo dục âm nhạc	- Hoạt Động Làm Quen Văn Học (PTNN)
9g 30 - 10g00	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
10g00 -10g15	VỆ SINH – CHUẨN BỊ ĂN TRƯA				
10g 15-11g10	ĂN TRƯA				
11g10–11g20	VỆ SINH SAU KHI ĂN				
11g20 -14g00	NGỦ TRƯA				
HOẠT ĐỘNG CHIỀU					
14g00 -14g15	VỆ SINH – ăn nhẹ				

	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
14g15-15g00	Hướng dẫn Thao tác Vệ sinh <i>*Học AV</i>	<i>Hướng dẫn</i> trò chơi mới <i>*Học NĐ</i>	Tạo hình Ngoài tiết học <i>(cuối Chủ Đề)</i>	<i>* TH</i> <i>Sách chữ cái</i>	-Lao động tập thể - Sinh hoạt tập thể <i>*Học MT</i>
15g 00 – 16g00	VỆ SINH – ĂN CHIỀU				
16g 00 - 16g30	VỆ SINH - NÊU GƯƠNG -TRẢ TRỀ				

4. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT KHỐI LÁ

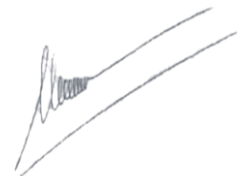
CHẾ ĐỘ SINH HOẠT HOẠT ĐỘNG					
THỜI GIAN	NỘI DUNG				
6g 30 -7g00	VỆ SINH LỚP - ĐÓN TRẺ				
7g00 -7g15	THỂ DỤC SÁNG - ĐIỂM DANH				
7g15 -7g50	ĂN SÁNG				
7g 50 -8g40	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI - VỆ SINH				
HOẠT ĐỘNG HỌC					
8g 40 -9g40	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
	- Hoạt Động Khám Phá	Hoạt Động Giáo dục âm nhạc	- Hoạt Động Thể Dục Giờ Học - Hoạt Động Tạo Hình	Hoạt Động Làm Quen Văn Học (PTNN) - Hoạt Động Làm Quen Với Toán	- Hoạt Động Làm Quen Chữ Viết
9g 40 -10g10	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
10g10-10g20	VỆ SINH – CHUẨN BỊ ĂN TRƯA				
10g20 -11g20	ĂN TRƯA				
11g20– 11g30	VỆ SINH SAU KHI ĂN				
11g30-14 g00	NGỦ TRƯA				
HOẠT ĐỘNG CHIỀU					
14g00-14g15	VỆ SINH – ăn nhẹ				
14g15-15g00	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
	Hướng dẫn Thao tác Vệ sinh	Hướng dẫn trò chơi mới *Hoc ND	Toại hình Ngoài tiết học (cuối Chủ Đề)	* TH Sách chữ cái	-Lao động tập thể - Sinh hoạt

	<i>*Học AV</i>				tập th <i>*Học MT</i>
15g 00-16g00	VỆ SINH – ĂN CHIỀU				
16g 00-16g30	VỆ SINH - NÊU GƯƠNG -TRẢ TRỄ				

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

Nguyễn Thị Lệ Nga

**Người lập kế hoạch
PHT/CM**



Lê Thụy Ái Liễu

